

TIÊU CHUẨN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG CỦA RAINFOREST ALLIANCE

CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI TRANG TRẠI



A-I-S-B-F
Phiên bản 1.4
VI

**RAINFOREST
ALLIANCE**

GIỚI THIỆU VỀ RAINFOREST ALLIANCE

Rainforest Alliance đang kiến tạo một thế giới bền vững hơn bằng cách sử dụng động lực xã hội và thị trường để bảo vệ thiên nhiên, cải thiện cuộc sống cho người nông dân và cộng đồng sống gần rừng.

Phản ghi chú miễn trừ trách nhiệm dịch thuật

Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc nào liên quan đến ý nghĩa chính xác của thông tin trong bản dịch này, vui lòng tham khảo bản tiếng Anh chính thức để làm rõ.

Mọi sai lệch hoặc khác biệt về ý nghĩa trong bản dịch này đều không có giá trị ràng buộc và không có giá trị đối với các mục đích thanh tra đánh giá hoặc cấp chứng nhận.

Bạn muốn biết thêm thông tin?

Để biết thêm thông tin về Rainforest Alliance, hãy truy cập www.rainforest-alliance.org hoặc liên hệ info@ra.org. Bên cạnh đó, liên hệ Văn phòng Rainforest Alliance Amsterdam tại De Ruijterkade 6, 1013AA Amsterdam, Hà Lan.

Để được hỗ trợ trong quy trình chứng nhận của Rainforest Alliance, liên hệ nhóm Hỗ trợ Khách hàng của chúng tôi qua email customersuccess@ra.org

Các Yêu Cầu Tiêu Chuẩn mang tính ràng buộc và bắt buộc phải tuân thủ để được chứng nhận.

Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng nội dung này, bao gồm sao chép, sửa đổi, phân phối hoặc tái bản mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Rainforest Alliance.

Tên tài liệu:

Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững Rainforest Alliance - Các yêu cầu đối với Trang trại

Mã tài liệu:

A-1-S-B-FA

Phiên bản:

1.4

Ngày xuất bản lần đầu:

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Ngày sửa đổi:

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

Có hiệu lực từ:

Ngày 1 tháng 10 năm 2025

Hết hạn vào:

Cho đến khi có thông báo mới

Liên kết với

A-02-S-B-SC-V1.4 Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững Rainforest Alliance, Các Yêu cầu đối với Chuỗi Cung ứng Tất cả các phụ lục, hướng dẫn và chính sách khác được liệt kê trong tài liệu này.

Thay thế:

Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững 2020 của Rainforest Alliance phiên bản SA-S-SD-1-V1.3, Các Yêu cầu dành cho Trang Trại

Áp dụng cho:

Các đơn vị sở hữu chứng nhận Trang trại

Quốc gia/Khu vực:

Tất cả

Các loại cây trồng:

Tất cả các loại cây trồng trong phạm vi chứng nhận của Rainforest Alliance; vui lòng xem Danh sách Cây trồng Rainforest Alliance.

Loại hình chứng nhận:

Trang Trại

Những thay đổi chính trong phiên bản 1.4

Tổng quan về những điều chỉnh trong tài liệu này

A-I-S-B-SC-VI.4VI Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững Rainforest Alliance, Các yêu cầu đối với Chuỗi Cung ứng, phát hành ngày 3 tháng 3 năm 2025.

so với

SA-S-SD-I-VI.3VN Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững Rainforest Alliance, Các yêu cầu đối với Trang trại, xuất bản ngày 06 tháng 02 năm 2023.

Yêu cầu số	Chủ đề	Thay đổi
Trang 7-15	Giới Thiệu	Điều chỉnh: Nội dung và hình ảnh được cập nhật hoặc xóa bỏ
1.1.1	Quản lý	Điều chỉnh: Thiết lập các ủy ban tại mục 1.1.5 được bổ thêm vào đây, bao gồm ủy ban về Sức Khỏe và An Toàn Lao Động (5.6.17) Áp dụng đối với: Bổ sung thêm Trang trại quy mô lớn và Trang trại đơn lẻ
1.2.1	Ban quản lý	Điều chỉnh: Nội dung về Thỏa Thuận Thương Lượng Tập Thể (CBA) được chuyển sang mục 5.3.3. Bổ sung thêm: Làm rõ phạm vi áp dụng.
1.2.2	Ban quản lý	Điều chỉnh: Các hợp đồng được đề cập rõ ràng như một phần của cơ chế cần có để các đơn vị này tuân thủ. Bổ sung thêm: Làm rõ phạm vi áp dụng.
1.2.3	Ban quản lý	(Trước là mục 1.2.4) Điều chỉnh từ ngữ để làm rõ nghĩa.
1.2.4	Ban quản lý	(Trước là mục 1.2.5) Điều chỉnh: Nêu rõ phúc lợi là một phần của tiền lương. Làm rõ về độ tuổi người lao động trẻ và công việc nhẹ. Bổ sung thêm: Làm rõ phạm vi áp dụng.
1.2.5	Ban quản lý	(Trước là mục 1.2.6) Điều chỉnh: Nêu rõ phúc lợi là một phần của tiền lương.
1.2.6	Ban quản lý	(Trước là mục 1.2.7) Điều chỉnh: Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững Rainforest Alliance được thay bằng Tiêu chuẩn Rainforest Alliance.
1.2.7	Ban quản lý	(Trước là mục 1.2.8) Điều chỉnh: Thỏa thuận được ký kết bởi hai bên. Điều chỉnh: Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững Rainforest Alliance được thay bằng Tiêu chuẩn Rainforest Alliance.
1.2.8	Ban quản lý	(Trước là mục 1.2.9) Điều chỉnh: Số năm được thay đổi thành 5.
1.2.9	Ban quản lý	(Trước là mục 1.2.10) Làm rõ: Quy hoạch vùng trồng và phạm vi áp dụng.
1.2.10	Ban quản lý	(Trước là mục 1.2.12) Điều chỉnh: Cập nhật nội dung về thông tin vị trí địa lý.
1.2.11	Ban quản lý	(Trước là mục 1.2.13) Điều chỉnh nội dung để làm rõ.
1.3.3	Kế hoạch quản lý và Đánh giá rủi ro	Điều chỉnh: Cập nhật nội dung về đào tạo.
1.3.4	Kế hoạch quản lý và Đánh giá rủi ro	Điều chỉnh: Cập nhật tần suất đào tạo và tần suất cập nhật Chiến lược Quản lý Dịch hại Tổng hợp và Sức khỏe và An toàn Lao động.
1.4.1	Thanh tra nội bộ và Tự Đánh giá	Điều chỉnh: Thay đổi quy mô thanh tra nội bộ sau năm đầu tiên của chu kỳ chứng nhận và việc kết nạp thành viên mới.

1.4.2	Thanh tra nội bộ và Tự Đánh giá	Làm rõ: Việc sử dụng kết quả Thanh tra Nội bộ của Đơn vị Sở hữu Chứng nhận Nhóm.
1.4.3	Thanh tra nội bộ và Tự Đánh giá	Điều chỉnh: Xóa bỏ thông tin tham chiếu về “(dành cho trang trại) và/hoặc cơ sở”.
1.5.1	Cơ chế khiếu nại	Làm rõ: Cơ cấu ủy ban khiếu nại. Áp dụng đối với: Xóa bỏ trang trại quy mô lớn để làm rõ mục đích của phạm vi áp dụng
1.6.1	Bình Đẳng Giới	Làm rõ: Cơ cấu ủy ban về giới. Áp dụng đối với: Xóa bỏ trang trại quy mô lớn để làm rõ mục đích của phạm vi áp dụng
1.6.2	Bình Đẳng Giới	Áp dụng đối với: Xóa bỏ trang trại quy mô lớn để làm rõ mục đích của phạm vi áp dụng
1.7.1	Dữ liệu của các chỉ số	Yêu cầu mới.
2.1.1	Truy nguyên sản phẩm	Áp dụng đối với: Xóa bỏ trang trại quy mô lớn để làm rõ mục đích của phạm vi áp dụng
2.1.5	Truy nguyên sản phẩm	Lỗi đánh máy: Sửa từ “Dữ liệu” tại khổ thứ ba thành “Ngày”.
2.1.9	Truy nguyên sản phẩm	Làm rõ: Thêm trang trại quy mô lớn vào phạm vi áp dụng
2.1.10	Truy nguyên sản phẩm	Điều chỉnh: Thay thế từ “xác định” thành “đo lường” để làm rõ nghĩa.
2.2.1	Quản lý truy nguyên trên Nền tảng trực tuyến	Điều chỉnh: Đơn giản hóa nội dung để làm rõ nghĩa.
2.2.3	Quản lý truy nguyên trên Nền tảng trực tuyến	(Trước là mục 2.2.4)
2.2.4	Quản lý truy nguyên trên Nền tảng trực tuyến	Yêu cầu mới.
2.3.3	Cấp quản lý truy nguyên đảm bảo cân bằng khối lượng giữa sản phẩm chứng nhận và không chứng nhận/Mass Balance	(Trước là mục 2.3.5) Hoán đổi thứ tự đánh số của mục 2.3.3 và mục 2.3.5.
2.3.5	Cấp quản lý truy nguyên đảm bảo cân bằng khối lượng giữa sản phẩm chứng nhận và không chứng nhận/Mass Balance	(Trước là mục 2.3.3) Hoán đổi thứ tự đánh số của mục 2.3.3 và mục 2.3.5.
3.1.1	Giá cộng thưởng	Yêu cầu mới.
3.1.2	Giá cộng thưởng	Yêu cầu mới.
3.1.3	Giá cộng thưởng	Yêu cầu mới.
3.1.4	Giá cộng thưởng	Yêu cầu mới.

4.1.1	Trồng trọt và Luân Canh	Áp dụng đối với: Xóa bỏ Ban quản lý khỏi phạm vi áp dụng để phản ánh rõ mục tiêu của yêu cầu.
4.1.2	Trồng trọt và Luân Canh	Điều chỉnh: Bổ sung nội dung làm rõ về trách nhiệm. Áp dụng đối với: Điều chỉnh đối tượng nằm trong phạm vi áp dụng để làm rõ mục đích của yêu cầu
4.1.3	Trồng trọt và Luân Canh	Điều chỉnh: Bổ sung thông tin tham chiếu tới chiến lược Quản lý Dịch hại Tổng hợp. Áp dụng đối với: Xóa bỏ Ban quản lý khỏi phạm vi áp dụng để phản ánh rõ mục tiêu của yêu cầu.
4.2.1	Tĩa canh và tái canh	Điều chỉnh: Bổ sung nội dung làm rõ về trách nhiệm. Áp dụng đối với: Điều chỉnh đối tượng nằm trong phạm vi áp dụng để làm rõ mục đích của yêu cầu
4.4.3	Độ Phì và Bảo Tồn Đất	(Trước là mục 4.4.4)
4.4.6	Độ Phì và Bảo Tồn Đất	(Trước là mục 4.4.7 - Yêu cầu cải tiến bắt buộc) Điều chỉnh: Xóa bỏ chỉ số. Áp dụng đối với: Xóa bỏ Ban quản lý khỏi phạm vi áp dụng để phản ánh rõ mục tiêu của yêu cầu.
4.5.1	Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp (IPM)	Điều chỉnh: Điều chỉnh từ ngữ của yêu cầu. Thêm từ “các ngưỡng” vào nội dung yêu cầu.
4.5.2	Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp (IPM)	(Trước là mục 4.5.6 L2) Phạm vi áp dụng: Xóa bỏ quản lý nhóm để phản ánh mục đích của yêu cầu tiêu chuẩn.
4.6.2	Quản lý Hóa chất Nông nghiệp	Làm rõ: Làm rõ quy trình Chính sách Sử dụng Đặc biệt cần tuân thủ. Áp dụng đối với: Xóa bỏ quản lý nhóm để phản ánh mục đích của yêu cầu tiêu chuẩn.
4.6.11	Quản lý Hóa chất Nông nghiệp	Làm rõ: Bổ sung phạm vi áp dụng.
4.7.1	Các Thực hành Trong và Sau Thu hoạch	Làm rõ: Trách nhiệm của ban quản lý.
4.7.2	Các Thực hành Trong và Sau Thu hoạch	Làm rõ: Trách nhiệm của ban quản lý.
5.1.1	Đánh Giá và Xử Lý, Lao Động Trẻ Em, Lao Động Cường Bức, Phân Biệt Đối Xử, Hành Vi Bạo Lực và Quấy Rối Tại Nơi Làm Việc	Làm rõ: Nội dung về các ủy ban. Loại bỏ: Thông tin tham chiếu tới yêu cầu 1.1.5
5.1.2	Đánh Giá và Xử Lý, Lao Động Trẻ Em, Lao Động Cường Bức, Phân Biệt Đối Xử, Hành Vi Bạo Lực và Quấy Rối Tại Nơi Làm Việc	Điều chỉnh: Xóa bỏ từ “cơ bản” khỏi nội dung tham chiếu đến Đánh giá rủi ro.
5.1.3	Đánh Giá và Xử Lý, Lao Động Trẻ Em, Lao Động Cường Bức, Phân Biệt Đối Xử, Hành Vi Bạo Lực	Làm rõ: Diễn đạt lại khổ thứ hai.

	và Quấy Rối Tại Nơi Làm Việc	
5.1.7	Đánh Giá và Xử Lý, Lao Động Trẻ Em, Lao Động Cưỡng Bức, Phân Biệt Đối Xử, Hành Vi Bạo Lực và Quấy Rối Tại Nơi Làm Việc	Làm rõ: Diễn đạt lại yêu cầu.
5.2.1	Tự Do Tham Gia Tổ Chức Đoàn Thể Và Thương Lượng Tập Thể	Làm rõ: Diễn đạt lại khổ thứ hai.
5.3.1	Tiền Lương và Hợp Đồng	Điều chỉnh: Xóa bỏ từ “Dài hạn” và “Thời vụ” để làm rõ nghĩa. Nêu yêu cầu tối thiểu đối với hợp đồng bằng lời nói.
5.3.3	Tiền Lương và Hợp Đồng	Điều chỉnh: Bổ sung nội dung về việc tuân thủ với Thỏa ước Lao động Tập thể.
5.3.4	Tiền Lương và Hợp Đồng	(Trước là mục 5.3.5)
5.3.5	Tiền Lương và Hợp Đồng	(Trước là mục 5.3.6)
5.3.6	Tiền Lương và Hợp Đồng	(Trước là mục 5.3.8)
5.3.7	Tiền Lương và Hợp Đồng	(Trước là mục 5.3.10) Làm rõ: Loại bỏ từ “các nhà sản xuất” để làm rõ việc bao gồm người lao động trong chứng nhận nhóm.
5.3.8	Tiền Lương và Hợp Đồng	(Trước là mục 5.3.13)
5.4.1	Mức lương đủ sống	Điều chỉnh: Bỏ nội dung về việc sử dụng Công cụ Ma trận Tiền lương của Rainforest Alliance. Bổ sung nội dung làm rõ về phạm vi áp dụng. Áp dụng đối với: Điều chỉnh để phản ánh rõ mục đích của phạm vi áp dụng.
5.5.2	Điều Kiện Làm Việc	Điều chỉnh: Bỏ dấu sao để làm rõ việc áp dụng đối với các trang trại quy mô nhỏ trong nhóm.
5.6.1	Sức Khỏe và An Toàn Lao Động	Điều chỉnh: Nội dung được diễn đạt lại để làm rõ.
5.6.2	Sức Khỏe và An Toàn Lao Động	Làm rõ: Bổ sung “sơ cứu”.
5.6.3	Sức Khỏe và An Toàn Lao Động	Điều chỉnh: Bổ sung các biển báo nguy hiểm và biển báo an toàn. Tích hợp yêu cầu 5.6.12 trong phiên bản 1.3.
5.6.9	Sức Khỏe và An Toàn Lao Động	(Trước là mục 5.6.10)
5.6.10	Sức Khỏe và An Toàn Lao Động	(Trước là mục 5.6.11) Làm rõ: Diễn đạt lại văn bản để làm rõ nghĩa.
5.6.11	Sức Khỏe và An Toàn Lao Động	(Trước là mục 5.6.13)
5.6.12	Sức Khỏe và An Toàn Lao Động	(Trước là mục 5.6.14)

5.6.13	Sức Khỏe và An Toàn Lao Động	(Trước là mục 5.6.16)
5.8.2	Cộng Đồng	Điều chỉnh: Nội dung để làm rõ. Áp dụng đối với: Xóa bỏ Ban quản lý khỏi phạm vi áp dụng để phản ánh rõ mục tiêu của yêu cầu.
6.1.3	Rừng, các hệ sinh thái tự nhiên khác và các khu bảo tồn	Áp dụng đối với: Bổ sung quản lý nhóm để phản ánh rõ mục đích phạm vi áp dụng của yêu cầu.
6.2.2	Bảo Tồn và Tăng Cường Hệ Sinh Thái Tự Nhiên và Thảm Thực Vật	Làm rõ: Diễn đạt lại văn bản để làm rõ nghĩa.
6.2.3	Bảo Tồn và Tăng Cường Hệ Sinh Thái Tự Nhiên và Thảm Thực Vật	Điều chỉnh: Đã xóa thông tin liên quan đến chỉ số. Xóa nội dung định nghĩa về thảm thực vật tự nhiên.
6.5.2	Quản Lý và Bảo Tồn Nước	(Trước là mục 6.5.3)
6.5.3	Quản Lý và Bảo Tồn Nước	(Trước là mục 6.5.4 MSM) Điều chỉnh: Đã xóa thông tin liên quan đến chỉ số. Bổ sung nội dung làm rõ về phạm vi áp dụng
6.5.4	Quản Lý và Bảo Tồn Nước	(Trước là mục 6.5.5 MSM) Điều chỉnh: Xóa thông tin liên quan đến chỉ số.
6.5.5	Quản Lý và Bảo Tồn Nước	(Trước là mục 6.5.6 SSI) Phạm vi áp dụng: Xóa quản lý nhóm khỏi nhóm đối tượng áp dụng để phù hợp với nội dung yêu cầu.
6.5.6	Quản Lý và Bảo Tồn Nước	(Trước là mục 6.5.7)
6.7.1	Quản Lý Nước Thái	Làm rõ: Diễn đạt lại văn bản để làm rõ nghĩa.
6.7.3	Quản Lý Nước Thái	Điều chỉnh: Bổ sung nội dung làm rõ về phạm vi áp dụng
Xóa các yêu cầu	1.1.2, 1.1.5, 1.2.11, 1.2.14 L1 (3 năm), 1.2.15 L2 (6 Năm), 1.3.5, 1.3.6, 1.3.7, 1.4.4, 1.4.5 L1 (3 năm), 1.4.6 L2 (6 năm), 1.6.3, 1.7.1, 2.2.3, 3.1.1, 3.1.2, 3.2.1, 3.2.2, 3.2.3, 3.2.4, 3.2.5, 3.2.6, 3.2.7, 3.3.1, 3.3.2 L1 (3 năm), 3.3.3 L1 (3 năm), 3.3.4, 3.3.5, 3.3.6, 4.2.2, 4.2.3, 4.3.2, 4.5.2, 4.5.3, 4.5.4, 4.5.5 L1 (3 năm), 4.5.7, 4.5.8 L2 (6 năm), 4.6.14, 5.2.4 L1 (3 năm), 5.3.11 L1 (3 năm), 5.3.12 L1 (3 năm), 5.4.2, 5.4.3, 5.4.4, 5.4.5, 5.6.12, 5.6.15, 5.6.17 L1 (3 năm), 5.6.18 L2 (6 năm), 5.6.8, 5.7.5 L1 (3 năm), 5.7.6 L2 (6 năm), 5.7.7 L1 (3 năm), 5.8.4 L2 (6 năm), 6.1.4 L1 (3 năm), 6.2.5, 6.2.6, 6.4.7 L1 (3 năm), 6.4.8 L1 (3 năm), 6.4.9 L1 (3 năm), 6.8.2, 6.8.3 L1, 6.9.1	

Mục lục

GIỚI THIỆU

9

Tầm Nhìn Của Chúng Tôi	9
Chương trình Chứng nhận của Rainforest Alliance	10
Kết Quả Dài Hạn của Chương Trình	11
Làm thế nào để được chứng nhận?	12
Phạm Vi Chứng Nhận Và Các Định Nghĩa Chính	14
Cách Sử Dụng Tài Liệu này	15
Tổng Quan Về Các Chủ Đề Tiêu Chuẩn Đối Với Trang Trại	17

CHƯƠNG 1: Quản lý

18

1.1 Quản lý	20
1.2 Quản lý hành chính	20
1.3 Kế hoạch Quản lý và Đánh giá rủi ro	25
1.4 Thanh tra Nội bộ và Tự Đánh giá	26
1.5 Cơ chế khiếu nại	28
1.6 Bình Đẳng Giới	29
1.7 Dữ liệu về các chỉ số	30

CHƯƠNG 2: Truy nguyên sản phẩm

31

2.1 Truy Nguyên Sản Phẩm	32
--------------------------	----

2.2 Truy Nguyên Sản Phẩm Trên Hệ Thống Quản Lý Trực Tuyến	34
2.3 Cấp Độ Truy Nguyên Trộn Lẫn Giữa Chứng Nhận Và Không Chứng Nhận Theo Tỷ Lệ Công Bó (Mass balance)	35

Chương 3: Giá cộng thưởng

36

3.1 Giá cộng thưởng	37
---------------------	----

Chương 4: Hoạt động canh tác

38

4.1 Trồng Cây Và Luân Canh	40
4.2 Cắt Canh, Tạo Tán Và Tái canh	41
4.3 Sinh vật Biến Đổi Gen (GMOs)	41
4.4 Độ Phì Đất Và Bảo Tồn Đất	41
4.5 Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp (IPM)	42
4.6 Quản Lý Hóa Chất Nông Nghiệp	44
4.7 Các Thực Hành Khi Thu Hoạch Và Sau Thu Hoạch	48

CHƯƠNG 5: Xã Hội

49

Đánh Giá và Xử Lý, Lao Động Trẻ Em, Lao Động Cưỡng Bức, Phân Biệt Đối Xử, Hành Vi Bạo Lực và Quấy Rối Tại Nơi Làm Việc	51
--	----

5.2 Tự Do Tham Gia Tổ Chức Đoàn Thể Và Thương Lượng Tập Thể	55
5.3 Tiền Lương Và Hợp Đồng	57
Mức lương đủ sống (LW)	60
5.5 Điều Kiện Làm Việc	60
5.6 Sức Khỏe Và An Toàn	62
5.7 Nhà Ở Và Điều Kiện Sống	65
5.8 Cộng Đồng	68

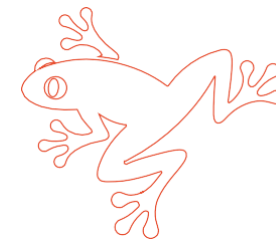
CHƯƠNG 6: Môi Trường

69

6.1 Rừng, các hệ sinh thái tự nhiên khác và các khu bảo tồn	71
6.2 Bảo Tồn Và Nâng Cao Hệ Sinh Thái Tự Nhiên Và Thảm Thực Vật	72
6.3 Vùng Đệm Ven Sông/suối	73
6.4 Bảo Vệ Động Vật Hoang Dã Và Đa Dạng Sinh Học	74
6.5 Quản Lý Và Bảo Tồn Nước	75
6.6 Quản Lý Nước Thải	76
6.7 Quản Lý Chất Thải	77
6.8 Hiệu Suất Sử Dụng Năng Lượng	77

GIỚI THIỆU

Tầm Nhìn Của Chúng Tôi



Tầm Nhìn Của Chúng Tôi

Tại Rainforest Alliance, chúng tôi liên tục cải thiện chương trình chứng nhận để mang đến nhiều giá trị hơn cho hàng triệu nông dân, người lao động, và các công ty trong chương trình của mình. Với phiên bản 1.4 của tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững, chúng tôi đang lắng nghe phản hồi của các bên liên quan nhằm giúp chương trình chứng nhận của chúng tôi trở nên mạnh mẽ, hiệu quả và chú trọng vào dữ liệu hơn.

Trong những năm tới, chúng tôi cũng sẽ mang đến cho nông dân và các công ty khả năng áp dụng một hoặc nhiều hơn một trong ba giải pháp chứng nhận chuyên biệt mới, tập trung vào (I) nông nghiệp tái sinh, (II) khí hậu, hoặc (III) sinh kế.

Trong khi Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững sẽ vẫn là khuôn khổ tổng thể toàn diện nhất của chúng tôi, bao gồm cả ba lĩnh vực tác động, các tiêu chuẩn đặc thù sẽ dựa trên nền tảng này và giúp nông dân đạt được mức độ bền vững cao hơn nữa trong các lĩnh vực trọng tâm mà họ lựa chọn.

Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững Các yêu cầu đối với Trang trại

Nông nghiệp bền vững ngày càng trở nên quan trọng hơn. Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững, Các yêu cầu đối với Trang trại cung cấp một khuôn khổ thực tiễn và các can thiệp đổi mới có mục tiêu nhằm giúp nông dân trồng trọt tốt hơn, tăng năng suất, tiếp cận những thông tin hữu ích về hiệu suất bền vững của họ, và tập trung nguồn lực đầu tư vào xử lý những rủi ro lớn nhất. Các yêu cầu đối với Trang trại được thiết kế nhằm giúp đơn vị sở hữu chứng nhận tối đa hóa tác động tích cực của nông nghiệp lên xã hội, môi trường và kinh tế, đồng thời trao quyền cho nông dân cải thiện sinh kế của họ và bảo vệ cảnh quan nơi họ sinh sống và làm việc.

Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững, Các yêu cầu đối với Trang trại được cập nhật giữ lại những yếu tố giá trị nhất từ các phiên bản trước, duy trì các công cụ tạo ra tác động ở cấp độ trang trại. Chúng tôi đã loại bỏ các yêu cầu nặng nề một cách không cần thiết, đồng thời điều chỉnh để các cuộc thanh tra nội bộ và việc thu thập dữ liệu cho các chỉ số tập trung vào những điều quan trọng nhất. Đối với người nông dân, điều đó có nghĩa là giảm bớt tính phức tạp và nguồn lực cần có cho việc triển khai. Đối với các công ty, điều đó có nghĩa là một tiêu chuẩn có ảnh hưởng mạnh mẽ hơn, phù hợp hơn với các khuôn khổ về môi trường, xã hội và quản trị ngày càng phát triển cũng như các quy định toàn cầu.

Xây Dựng Tiêu Chuẩn

Rainforest Alliance là thành viên tuân thủ quy định của ISEAL. Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững, đối với các phần có liên quan, được xây dựng dựa trên Quy Tắc Thực Hành Tốt theo Tiêu Chuẩn ISEAL để đảm bảo các tài liệu đều liên quan, minh bạch và phản ánh sự cân bằng về lợi ích của các bên liên quan.



Chương trình Chứng nhận của Rainforest Alliance



RAINFOREST ALLIANCE CÁC GIẢI PHÁP CHỨNG NHẬN



HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHỨNG NHẬN



HỆ THỐNG DỮ LIỆU VÀ CÁC CÔNG CỤ

TIÊU CHUẨN NÔNG NGHIỆP

Các yêu cầu đối với Trang trại

Các Yêu cầu đối với Chuỗi cung ứng

TÁI SINH NÔNG NGHIỆP

sớm công bố

Phụ lục (ràng buộc):

Bắt buộc tuân thủ để được chứng nhận.

Các Chính sách (bắt buộc):

Các chính sách có tính đặc thù theo bối cảnh và có thể được áp dụng cho một khu vực hoặc loại cây trồng cụ thể; việc tuân thủ là yêu cầu bắt buộc để được cấp chứng nhận trong (các) bối cảnh đã nêu rõ.

Tài liệu hướng dẫn (không bắt buộc):

Tài liệu hỗ trợ để tham khảo trong quá trình thực hiện, không bắt buộc làm theo để được chứng nhận.

- **Quy chế thanh tra cấp chứng nhận** quy định cách thức các thanh tra viên đánh giá sự tuân thủ với các yêu cầu về Trang trại và Chuỗi cung ứng.
- **Các Quy chế về Chứng nhận** đảm bảo rằng các tổ chức chứng nhận luôn thực hiện các cuộc thanh tra chứng nhận Rainforest Alliance với chất lượng cao nhất.
- **Quy chế dành cho các đơn vị thanh tra và cấp chứng nhận (CB)** có thể thực hiện các cuộc thanh tra đánh giá theo các giải pháp chứng nhận của chúng tôi, cũng như các quy chế qui định về nhân sự của các CB này.

Đơn vị sở hữu chứng nhận ở cấp trang trại và chuỗi cung ứng sẽ đăng ký thành viên, quản lý quy trình thanh tra và lưu giữ hồ sơ các giao dịch mua bán sản phẩm được chứng nhận trên nền tảng của chúng tôi.

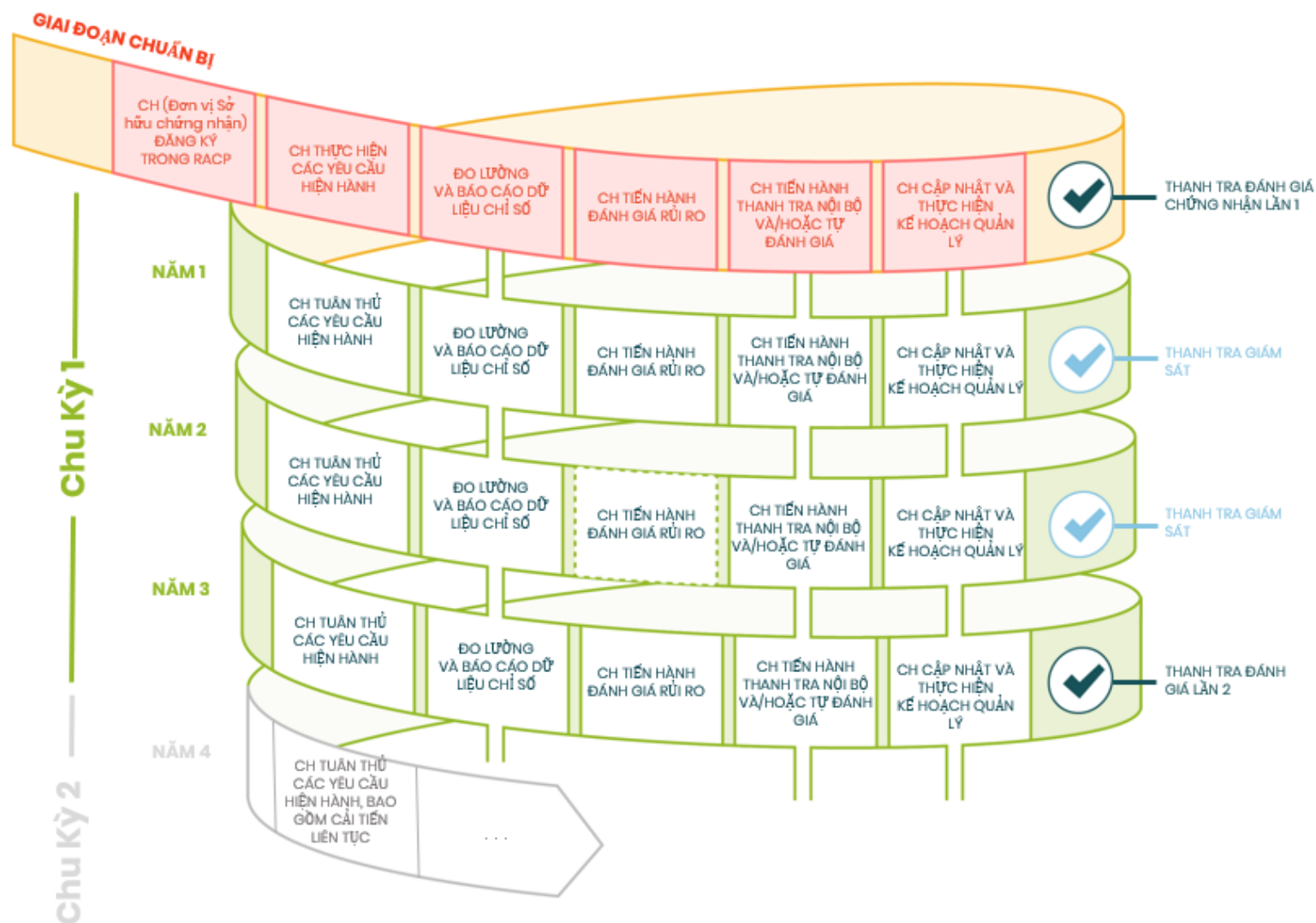
Các công cụ mới trên nền tảng công nghệ thông tin đang được thiết kế và cung cấp để theo dõi và quản lý hiệu quả hơn quá trình thực hiện bền vững theo các yêu cầu của các giải pháp chứng nhận của chúng tôi.

Kết Quả Dài Hạn của Chương Trình



Làm thế nào để được chứng nhận?

Các trang trại và nhóm trang trại muốn đạt được chứng nhận Rainforest Alliance cần phải thực hiện một loạt các hoạt động chính cho mỗi năm.



Làm thế nào để chuẩn bị cho cuộc thanh tra đầu tiên?

ĐĂNG KÝ

Đơn vị sở hữu chứng nhận (CH) tiềm năng đăng ký trên cổng thông tin của chúng tôi, cung cấp thông tin chi tiết ban đầu và chọn lựa chọn chứng nhận theo Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững. Sau đó họ cung cấp thêm thông tin để xác định phạm vi chứng nhận của mình và cho phép nền tảng tạo ra các yêu cầu xác minh.

THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU

Với phạm vi chứng nhận và nhu cầu xác minh, một danh sách các yêu cầu được áp dụng được tạo ra trên nền tảng của chúng tôi. Đơn vị sở hữu chứng nhận có thể bắt đầu triển khai Tiêu Chuẩn dựa trên các yêu cầu này.

KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VỚI TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN (CB)

Đơn vị sở hữu chứng nhận chọn một Tổ Chức Chứng Nhận có trong danh sách cho phạm vi của họ và ký hợp đồng với Tổ Chức Chứng Nhận mà họ đã chọn.

THU THẬP DỮ LIỆU

Đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại thu thập dữ liệu trang trại, bao gồm dữ liệu địa lý và dữ liệu chỉ số, và nộp những dữ liệu này trên nền tảng chứng nhận. Họ nhận kết quả đánh giá rủi ro phá rừng để được tích hợp vào các cuộc thanh tra nội bộ của họ.

ĐÁNH GIÁ RỦI RO

Đơn vị sở hữu chứng nhận (CH) thực hiện đánh giá rủi ro để xác định các biện pháp giảm thiểu cần thiết và bổ sung nội dung đó vào kế hoạch quản lý.

THANH TRA NỘI BỘ

Đối với chứng nhận nhóm, CH tiến hành thanh tra nội bộ để đánh giá sự tuân thủ của tất cả các thành viên trong nhóm.

ĐƠN VỊ SỞ HỮU CHỨNG NHẬN CẬP NHẬT VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ

Dựa trên những phát hiện từ các bước trước, CH cập nhật kế hoạch quản lý và thực hiện các hoạt động còn lại để tuân thủ với tiêu chuẩn.

CUỘC THANH TRA CHỨNG NHẬN ĐẦU TIÊN

Giai đoạn chuẩn bị kết thúc với cuộc thanh tra chứng nhận đầu tiên của chu kỳ chứng nhận. Nếu cuộc thanh tra được thông qua thì sẽ cấp giấy phép chứng nhận, và năm đầu tiên của chứng nhận bắt đầu. Đơn vị sở hữu chứng nhận sẽ được thông báo trên nền tảng về việc thực hiện các bước cần thiết để tiếp tục năm thứ hai của chứng nhận trước khi cuộc thanh tra đó diễn ra.

SAU CUỘC THANH TRA CHỨNG NHẬN ĐẦU TIÊN

Chứng nhận trang trại Rainforest Alliance được cấp theo chu kỳ ba năm một lần. Năm 1 bắt đầu sau cuộc thanh tra chứng nhận đạt kết quả được chứng nhận đầu tiên. Trong mỗi năm tiếp theo, các cuộc thanh tra nội bộ và/hoặc bản tự đánh giá sẽ được tiến hành để cung cấp thông tin đầu vào cho kế hoạch quản lý và thực hiện các hành động để đảm bảo tuân thủ. Đánh giá rủi ro cần được thực hiện theo các yêu cầu hiện hành.

Trong hai năm giữa các đợt Thanh Tra Chứng Nhận, tiến hành Thanh Tra Giám Sát để:

- xác minh xem hệ thống quản lý của tổ chức có đảm bảo tuân thủ tất cả các hoạt động thuộc trách nhiệm của mình hay không
- theo dõi tiến độ cải tiến.

Sau cuộc thanh tra chứng nhận thứ hai, chu kỳ chứng nhận thứ hai bắt đầu. Các yêu cầu cải tiến liên tục có hiệu lực trong suốt chu kỳ chứng nhận thứ hai.

Phạm Vi Chứng Nhận Và Các Định Nghĩa Chính

Các yêu cầu áp dụng cho một đơn vị sở hữu chứng nhận (CH) và địa điểm khác nhau dựa theo phạm vi chứng nhận, loại trang trại (quy mô Nhỏ hay Lớn) và giai đoạn chứng nhận.

Phạm vi chứng nhận là gì?

Phạm vi chứng nhận của các yêu cầu đối với Trang Trại là toàn bộ trang trại.

Chương 4: Canh tác tập trung vào cây trồng đạt chứng nhận.

Trang trại CH có thể chọn loại bỏ các đơn vị trang trại riêng biệt về mặt địa lý ra khỏi phạm vi chứng nhận nếu những trang trại này:

- chỉ được sử dụng để sản xuất cây trồng không được chứng nhận tại mọi thời điểm.
- không ở gần các đơn vị trang trại có cây trồng được chứng nhận.

Tiêu chí nào để xác định trang trại nhỏ hoặc lớn?

Với Tiêu chuẩn này, các trang trại được phân loại thành hai nhóm: Quy mô Nhỏ và quy mô Lớn. Các trang trại quy mô nhỏ là các trang trại có ít hơn 10 lao động dài hạn, trong khi các trang trại quy mô lớn là các trang trại có từ 10 lao động dài hạn trở lên. Rainforest Alliance có thể phân loại các trang trại theo cách khác nếu cách đó được cho là phù hợp hơn.

Yêu cầu bổ sung đối với các trang trại nhỏ có nhiều lao động tạm thời?

Một nhóm nhỏ các yêu cầu chỉ áp dụng cho các trang trại quy mô nhỏ nếu đạt đến ngưỡng lao động tạm thời. Điều này được chỉ định theo từng yêu cầu như sau:

“Đối với các trang trại quy mô Nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu trang trại đang tuyển dụng:

- 10 lao động tạm thời trở lên, mỗi người làm việc liên tục từ 3 tháng trở lên, và/hoặc
- 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch”

Ai được coi là 'Người lao động'?

Khi đề cập đến 'người lao động', tất cả người lao động bao gồm lao động thường xuyên, lao động tạm thời, lao động được thuê thông qua các nhà cung cấp dịch vụ lao động đều tính. Xem thêm A-03-SCRC-B-CH Phụ lục Thuật ngữ.

Hồ sơ Đơn vị sở hữu chứng nhận, Thu thập dữ liệu và Các chỉ số

Hồ sơ của Đơn vị sở hữu chứng nhận (CH) đối với trang trại và nhóm là một sáng kiến mới khác, được sử dụng để trao đổi về hiệu suất bền vững và các cải tiến. Hồ sơ Đơn vị sở hữu chứng nhận được định hình bằng dữ liệu và các chỉ số từ Tiêu Chuẩn, cho phép các nhà sản xuất trình bày về kết quả, thách thức và cải tiến của họ. Hồ sơ có thể trở thành một công cụ giá trị để thúc đẩy cải tiến liên tục, trao quyền cho nhà sản xuất, tạo ra nhu cầu về sản phẩm được chứng nhận, và thu hút đầu tư vào chuỗi cung ứng.

Để đạt được mục tiêu này, Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững giới thiệu một Phụ lục về Chỉ số để hướng dẫn các nhà sản xuất và nhóm về các dữ liệu cần cung cấp trên nền tảng chỉ số mới. Điều này đi kèm với việc đơn giản hóa số lượng và loại dữ liệu được thu thập, đảm bảo chỉ thu thập những dữ liệu liên quan nhất.

Cách Sử Dụng Tài Liệu Này

Tài liệu Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững được chia thành sáu chương, mỗi chương tập trung vào một lĩnh vực cụ thể – quản lý trang trại, truy nguyên sản phẩm, giá cộng thưởng, canh tác, xã hội và môi trường. Các yêu cầu trong mỗi chương được trình bày trong các bảng như bên dưới

0.0 CHỦ ĐỀ YÊU CẦU						
Tiêu đề chủ đề nêu lên chủ đề về nội dung của các yêu cầu	Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
			Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
Các yêu cầu cơ bản được áp dụng xuyên suốt toàn bộ các giải pháp	1.1.1	(Nội dung của yêu cầu tiêu chuẩn)		✓	✓	
	Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù				
Các yêu cầu đặc thù: áp dụng cho Tiêu chuẩn RA đã được chọn. Các yêu cầu này có thể được chia sẻ với các Tiêu chuẩn RA khác, nhưng không phải tất cả	1.1.2	(Nội dung của yêu cầu tiêu chuẩn)			✓	✓
	Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
Các yêu cầu cải tiến liên tục Được điều chỉnh riêng và chỉ áp dụng trong chu kỳ chứng nhận thứ 2 hoặc thứ 3	1.1.4	(Nội dung của yêu cầu tiêu chuẩn)	✓	✓	✓	

•Dấu kiểm

Cho thấy yêu cầu áp dụng
đối với loại hình chứng nhận
và đối tượng nào
(xem bên dưới để biết cách
diễn giải dấu kiểm)

Những yêu cầu nào được áp dụng, với ai và khi nào?

Dấu kiểm cho biết đối tượng áp dụng của một yêu cầu. Dấu kiểm cho biết đối tượng nào chịu trách nhiệm thực hiện yêu cầu. Trong một số trường hợp, văn bản yêu cầu cung cấp thêm thông tin chi tiết về phạm vi áp dụng. Đối với các nhóm, bất kể có dấu kiểm hay không, ban quản lý nhóm luôn chịu trách nhiệm cuối cùng trong việc thực hiện tất cả các yêu cầu có thể áp dụng của tất cả các tác nhân trong phạm vi của họ.

	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
	Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
Dấu kiểm cho các trang trại quy mô lớn và quy mô nhỏ được chứng nhận cá nhân				
Các trang trại quy mô nhỏ hoặc quy mô lớn được chứng nhận cá nhân phải thực hiện các yêu cầu này.*				✓
Dấu kiểm cho ban quản lý nhóm				
Yêu cầu này áp dụng cho toàn bộ nhóm, và nhân viên ban quản lý nhóm chịu trách nhiệm thực hiện yêu cầu đối với tất cả các thành viên trong nhóm (cả nhóm nhỏ và lớn) cũng như các hoạt động của chính họ.			✓	
Dấu kiểm cho trang trại quy mô lớn				
Quản lý của trang trại quy mô lớn có trách nhiệm thực hiện yêu cầu đối với trang trại của họ.**		✓		
Dấu kiểm cho trang trại quy mô nhỏ				
Nhà vận hành trang trại quy mô nhỏ có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu áp dụng đối với trang trại của họ.**	✓			
Dấu kiểm cho trang trại quy mô lớn và ban quản lý nhóm				
Ban quản lý trang trại quy mô lớn phải thực hiện các yêu cầu cho trang trại của họ, trong khi ban quản lý nhóm thực hiện các yêu cầu đối với các trang trại quy mô nhỏ trong nhóm và hỗ trợ các trang trại quy mô lớn trong nhóm.		✓	✓	
Dấu kiểm cho trang trại quy mô lớn và quy mô nhỏ				
Trang trại quy mô lớn và quy mô nhỏ thực hiện yêu cầu.**	✓	✓		
Dấu kiểm cho trang trại quy mô lớn, quy mô nhỏ và ban quản lý nhóm				
Tất cả các tác nhân trong nhóm cần trực tiếp thực hiện yêu cầu.	✓	✓	✓	
* Nội dung từng yêu cầu có thể nêu rõ thêm chi tiết về phạm vi/đối tượng áp dụng và trách nhiệm có liên quan, chẳng hạn như: - Nhà sản xuất thực hiện X. [...] - Không áp dụng đối với trang trại quy mô nhỏ trong nhóm. - Quản lý thực hiện Z. - V.v. ** Ban quản lý nhóm luôn chịu trách nhiệm hỗ trợ các thành viên thực hiện các yêu cầu bằng cách cung cấp hướng dẫn, đào tạo, nguồn lực phù hợp và các hình thức hỗ trợ khác khi cần thiết.				

Tổng Quan Về Các Chủ Đề Tiêu Chuẩn Đối Với Trang Trại

1. Quản lý	
1.1	Quản lý
1.2	Ban quản lý
1.3	Kế hoạch quản lý và Đánh giá rủi ro
1.4	Thanh Tra Nội Bộ và Tự Đánh Giá
1.5	Cơ chế khiếu nại
1.6	Bình Đẳng Giới
1.7	Dữ liệu về các chỉ số
2. Truy nguyên sản phẩm	
2.1	Truy nguyên sản phẩm
2.2	Quản lý truy nguyên trên Nền tảng trực tuyến
2.3	Cấp quản lý truy nguyên đảm bảo cân bằng khối lượng giữa sản phẩm chứng nhận và không chứng nhận/Mass Balance
3. Giá cộng thưởng	
3.1	Giá cộng thưởng
4. Hoạt động canh tác	
4.1	Trồng trọt và Luân Canh
4.2	Cắt tỉa cành, tạo tán và tái sinh cây trồng lâu năm
4.3	Sinh vật Biến Đổi Gen - GMOs
4.4	Độ Phì và Bảo Tồn Đất
4.5	Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp (IPM)
4.6	Quản Lý Hóa Chất Nông Nghiệp
4.7	Các thực hành Trong và Sau Thu Hoạch

5. Xã Hội	
5.1	Đánh Giá và Xử Lý, Lao Động Trẻ Em, Lao Động Cường Bức, Phân Biệt Đối Xử, Hành Vi Bạo Lực và Quấy Rối Tại Nơi Làm Việc
5.2	Tự Do Tham Gia Tổ Chức Đoàn Thể Và Thương Lượng Tập Thể
5.3	Tiền Lương và Hợp Đồng
5.4	Mức lương đủ sống
5.5	Điều Kiện Làm Việc
5.6	Sức Khỏe và An Toàn Lao Động
5.7	Nhà Ở và Điều Kiện Sống
5.8	Cộng Đồng
6. Môi Trường	
6.1	Rừng, các hệ sinh thái tự nhiên khác và các khu bảo tồn
6.2	Bảo Tồn và Tăng Cường Hệ Sinh Thái Tự Nhiên và Thảm Thực Vật
6.3	Vùng Đệm Ven Sông
6.4	Bảo Vệ Động Vật Hoang Dã và Đa Dạng Sinh Học
6.5	Quản Lý và Bảo Tồn Nước
6.6	Quản Lý Nước Thải
6.7	Quản Lý Chất Thải
6.8	Hiệu suất sử dụng năng lượng

CHƯƠNG 1:

Quản lý



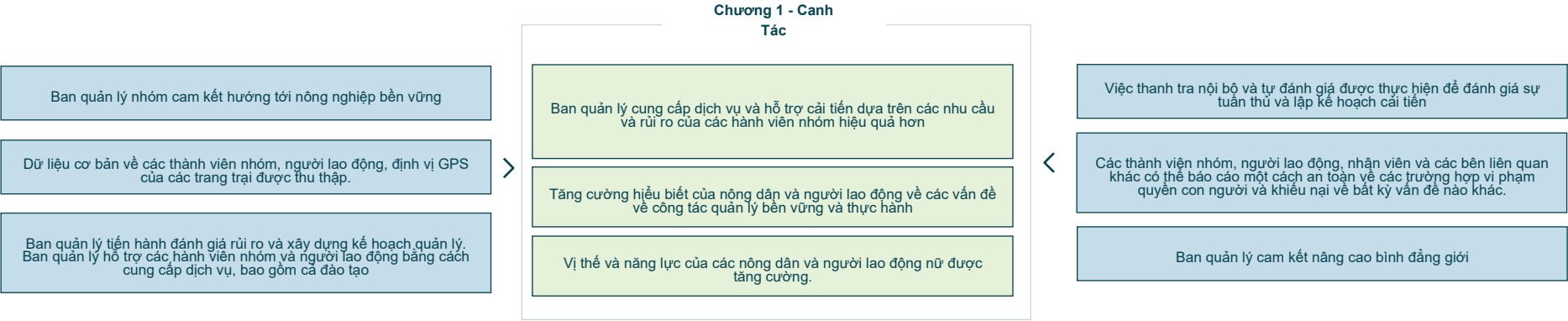
Canh tác không chỉ là một hoạt động đời sống mà còn là công việc kinh doanh, và để kinh doanh thành công thì cần phải quản lý. Rainforest Alliance muốn các trang trại được cấp chứng nhận được quản lý một cách hiệu quả, minh bạch, toàn diện và khả thi về mặt kinh tế. Điều quan trọng là các trang trại và nhóm phải triển khai một hệ thống lập kế hoạch và quản lý tổng hợp, với các quy trình và hệ thống để cải tiến liên tục. Việc lập kế hoạch và quản lý tốt giúp duy trì và nâng cao năng suất và hiệu quả của trang trại, đồng thời góp phần giảm tác động đến môi trường thông qua việc sử dụng hiệu quả đất đai, nước, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.

Để giúp đạt được kết quả này, chương về Quản lý bao gồm các chủ đề liên quan đến cam kết của ban lãnh đạo, ban quản lý nhóm và trang trại, quản lý dữ liệu, đánh giá về tính bền vững và lập kế hoạch quản lý. Các yêu cầu trong chương này tuân theo quy trình đánh giá hiện trạng, lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá sau triển khai và điều chỉnh.

Dựa vào kết quả Đánh giá rủi ro, xác định các hoạt động làm giảm thiểu và thích ứng cụ thể. Các Ban quản lý nhóm và chủ trang trại đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lập kế hoạch này.

Chương này bao gồm các yêu cầu về việc thu thập dữ liệu địa lý để đảm bảo các sản phẩm được chứng nhận không đến từ các khu vực bị phá rừng hoặc khu bảo tồn, nơi mà hoạt động sản xuất bị nghiêm cấm. Việc thu thập các bản đồ khoanh vùng GPS cung cấp dữ liệu chính xác hơn về diện tích nông trại, điều này cũng giúp ban quản lý ước tính sản lượng dễ dàng và chính xác hơn.

Điều cuối cùng, chương này cũng có chủ đề giới được lồng ghép xuyên suốt. Việc đưa chủ đề này vào chương về quản lý cho thấy giới đóng vai trò quan trọng cơ bản đối với nhiều khía cạnh trong hoạt động nông trại và nhóm.



1.1 Quản lý

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.1.1	Ban quản lý thể hiện cam kết đối với nông nghiệp bền vững thông qua việc phân bổ đầy đủ nguồn lực và nhân sự để triển khai Chương trình Chứng nhận theo Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững của Rainforest Alliance. Ít nhất ba năm một lần, ban quản lý đánh giá năng lực của mình trong việc thực hiện Tiêu chuẩn của Rainforest Alliance và chứng minh sự cải tiến liên tục qua các đợt đánh giá tiếp theo. Ban quản lý thành lập (các) ủy ban chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề sau: • <u>Cơ chế khiếu nại</u> (xem mục 1.5) • <u>Bình đẳng giới</u> (xem mục 1.6) • <u>Đánh giá và Xử lý</u> (xem mục 5.1) • <u>Sức khỏe và An toàn Lao động</u> (xem mục 5.6) Lưu ý: Một ủy ban có thể phụ trách tất cả các vấn đề này. (Các) Ủy ban: - Bao gồm ít nhất một đại diện lãnh đạo đơn vị có quyền đưa ra quyết định. - Không thiên vị, dễ tiếp cận, nhạy cảm về <u>giới</u> và được <u>các thành viên nhóm/người lao động</u> bao gồm <u>các nhóm dễ bị tổn thương</u> tin tưởng.		✓	✓	✓

1.2 Quản lý hành chính

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.2.1	Ban quản lý và các nhà sản xuất tuân thủ theo <u>luật pháp hiện hành</u> liên quan đến phạm vi của Tiêu chuẩn Rainforest Alliance. Bao gồm nhưng không giới hạn trong những điều dưới đây: • Quyền sử dụng đất • Môi trường • Lao động • <u>Quyền con người</u> • <u>Đồng thuận dựa trên nguyên tắc Tự nguyện, có báo trước và được thông tin đầy đủ (FPIC)</u> • Thuế và các vấn đề chống tham nhũng Nếu pháp luật hiện hành có quy định nghiêm ngặt hơn so với yêu cầu trong Tiêu chuẩn thì cần tuân thủ theo luật, trừ khi luật đó không còn hiệu lực. Ngược lại, nếu pháp luật hiện hành có quy định ít nghiêm ngặt hơn so với yêu cầu trong Tiêu chuẩn, thì cần tuân thủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn, trừ khi yêu cầu đó nêu rõ việc cho phép tuân thủ luật này.	✓	✓	✓	✓

1.2.2	Có danh sách tổng hợp các <u>nhà cung cấp dịch vụ</u>, nhà cung ứng, <u>các bên trung gian</u> và <u>nhà thầu phụ</u> hiện tại. Các cơ chế, bao gồm hợp đồng, được thiết lập để đảm bảo rằng những đơn vị này tuân thủ các yêu cầu được áp dụng của Tiêu chuẩn đối với các hoạt động của họ trong phạm vi chứng nhận. Đối với các <u>Trang trại</u> - Áp dụng cho công việc tại đồng ruộng, trong chế biến và cung ứng lao động. - Cụm từ “các nhà cung ứng” chỉ đề cập đến các trang trại khác mà CH mua <u>sản phẩm được chứng nhận</u> từ đó. Đối với các <u>trang trại nhỏ</u> trong <u>nhóm</u>, yêu cầu này không áp dụng. <i>Vui lòng xem Tài Liệu Hướng Dẫn SA-G-SD-46 U: phạm vi áp dụng đối với Các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ</i>		✓	✓	✓
1.2.3	Một sổ đăng ký các thành viên trong nhóm được duy trì và cập nhật. Thông tin cần thiết của từng thành viên được thu thập bằng cách sử dụng Mẫu Sổ Đăng ký Thành viên Nhóm do Rainforest Alliance cung cấp.			✓	

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.2.4	Cập nhật và lưu giữ thông tin/hồ sơ của từng người <u>lao động thời vụ</u> và <u>lâu dài</u>: - Họ và tên - Giới tính - Năm sinh - Ngày bắt đầu và kết thúc việc làm <u>Tiền lương</u>, bao gồm phúc lợi Đối với những người lao động được cung cấp <u>nhà ở</u>, hồ sơ cần thêm thông tin sau: - Địa chỉ nhà ở - Số lượng thành viên trong gia đình - Năm sinh của thành viên trong gia đình Đối với trẻ em làm các công việc nhẹ (từ 12 đến 15 tuổi) và <u>người lao động trẻ</u> (từ 15 đến 18 tuổi), hồ sơ còn bao gồm: - Địa chỉ nhà ở - Tên và địa chỉ của cha, mẹ hoặc (các) người giám hộ hợp pháp - Đăng ký trường học (nếu có) - Loại công việc hoặc nhiệm vụ - Số giờ làm việc mỗi ngày và mỗi tuần Đối với các trang trại quy mô nhỏ trong nhóm, chỉ áp dụng yêu cầu 1.2.5.		✓	✓	✓
1.2.5	Cập nhật và Lưu giữ danh sách, thông tin của mỗi <u>lao động dài hạn</u>: - Họ và tên - Giới tính - Năm sinh - Tiền lương, bao gồm phúc lợi Đối với người lao động tạm thời, chỉ yêu cầu về số lượng người lao động. Những thành viên nhóm không biết chữ có thể cung cấp thông tin trên bảng miệng.	✓			
1.2.6	Ban quản lý đảm bảo rằng khi Tiêu Chuẩn Rainforest Alliance yêu cầu phải thông báo cho người lao động hoặc thành viên nhóm, phải cung cấp thông tin bằng (các) ngôn ngữ chính mà người lao động hoặc thành viên nhóm sử dụng.		✓	✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.2.7	Một bản Thỏa thuận giữa <u>ban quản lý nhóm</u> và từng thành viên nhóm được ký bởi cả hai bên. Dấu vân tay hoặc dấu hiệu nhận dạng có thể được sử dụng thay thế chữ ký. Thỏa thuận bao gồm các nội dung sau: - Các thành viên trong nhóm có nghĩa vụ tuân thủ theo Tiêu Chuẩn của Rainforest Alliance. - Thành viên nhóm có nghĩa vụ chấp nhận kết quả <u>thanh tra nội bộ</u>, thanh tra độc lập và các biện pháp trừng phạt. - Thành viên nhóm đảm bảo rằng bất kỳ sản phẩm nào được bán dưới dạng sản phẩm <u>được chứng nhận</u> chỉ có nguồn gốc từ trang trại của họ. - Thành viên nhóm có quyền kháng cáo các quyết định của <u>ban quản lý nhóm</u> bằng cách sử dụng quy trình <u>kiếu nại</u>. - Thành viên nhóm đồng ý cho phép chia sẻ dữ liệu trang trại của chính mình (chẳng hạn như dữ liệu địa lý, khối lượng, diện tích, v.v.) với ban quản lý nhóm và Rainforest Alliance để sử dụng, phát hành và chia sẻ trong chuỗi cung ứng, như được nêu trong Các Điều Khoản và Điều Kiện Chung và Chính Sách Bảo Mật của Rainforest Alliance. Mỗi thành viên trong nhóm đều hiểu rõ thỏa thuận. Các thỏa thuận được lưu trữ tập trung và mỗi thành viên nhóm được cung cấp một bản sao của thỏa thuận.			✓	
1.2.8	Hồ sơ lưu trữ cho mục đích cấp chứng nhận và tuân thủ được lưu giữ ít nhất 5 năm.	✓	✓	✓	✓
1.2.9	Cần có một bản đồ với cập nhật đầy đủ về khu vực trang trại, bao gồm: - Trang trại/<u>đơn vị trang trại</u>/khu vực sản xuất - Cơ sở chế biến - Khu vực dân cư - Trường học - Trung tâm y tế/địa điểm sơ cứu <u>Hệ sinh thái tự nhiên</u>, bao gồm các diện tích mặt nước, <u>rừng</u>, và các <u>thảm thực vật tự nhiên có sẵn</u> - Khu vực <u>vùng đệm ven sông</u> <u>Các hệ thống nông lâm kết hợp</u> - Khu vực <u>phòng hộ</u> Bản đồ cũng bao gồm các khu vực <u>rủi ro</u> được xác định trong <u>Đánh giá rủi ro</u> (xem mục 1.3.1). Ngày cập nhật mới nhất được ghi rõ trên bản đồ. <u>Các trang trại quy mô lớn</u> trong các nhóm cần cung cấp một bản đồ trang trại. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-4 Hướng Dẫn C: Cách Tạo một Bản Đồ Trang Trại</i>		✓	✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.2.10	Thu thập dữ liệu địa lý của 100% các đơn vị trang trại có cây trồng được chứng nhận của <u>trang trại</u>. Ít nhất 35% trang trại có dữ liệu địa lý ở dạng <u>bản đồ khoanh vùng</u> GPS. Trước đợt thanh tra chứng nhận thứ hai, tất cả các đơn vị trang trại đều có bản đồ khoanh vùng. <i>Xem Phụ lục A-04-SCRL-B-CH - Quản lý</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-5 Hướng Dẫn D: Yêu Cầu Về Dữ liệu địa lý và Bản Đồ Rủi Ro</i>			✓	
1.2.11	Thu thập dữ liệu địa lý dạng bản đồ khoanh vùng cho mỗi đơn vị trang trại. <i>Xem Phụ lục A-04-SCRL-B-CH - Quản lý</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-5 Hướng Dẫn D: Yêu Cầu Về Dữ liệu địa lý và Bản Đồ Rủi Ro</i>		✓		✓

1.3 Kế hoạch Quản lý và Đánh giá rủi ro

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trạng thái đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.3.1	Ban quản lý tiến hành đánh giá rủi ro liên quan đến các yêu cầu trong tiêu chuẩn này, bằng cách sử dụng Công cụ Đánh giá rủi ro, ít nhất ba năm một lần. Nếu cần thiết, đánh giá rủi ro có thể được xem xét và cập nhật hàng năm. Trong <u>kế hoạch quản lý</u> phải có các biện pháp giảm thiểu rủi ro. <i>Vui lòng xem A-11-SCRL-B-FA Công cụ Đánh giá rủi ro</i>		✓	✓	✓
1.3.2	Ban quản lý lập một kế hoạch quản lý bao gồm các mục tiêu và hành động dựa trên kết quả Đánh giá rủi ro (1.3.1) và bản <u>tự đánh giá</u> (1.4.2). Đối với các nhóm, kế hoạch quản lý còn dựa trên kết quả thanh tra nội bộ (1.4.1). Ban quản lý báo cáo việc thực hiện kế hoạch quản lý hàng năm. Kế hoạch quản lý được cập nhật hàng năm. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-3 Hướng dẫn B: Mẫu Kế Hoạch Quản Lý</i>		✓	✓	✓
1.3.3	Ban quản lý cung cấp cho các thành viên trong nhóm và người lao động được nhóm tuyển dụng các dịch vụ dựa trên kế hoạch quản lý. Các dịch vụ có thể bao gồm đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ lưu trữ hồ sơ, tiếp cận vật tư đầu vào (ví dụ: cây giống), các hoạt động nâng cao nhận thức, v.v. Ban quản lý ghi chép lại các dịch vụ đã cung cấp. Đối với Đào tạo, các chủ đề sau đây được thực hiện ít nhất một năm một lần: • Các thực hành Thanh Tra Nội Bộ tốt, kèm theo đánh giá sau tập huấn (Đối với tất cả các thanh tra viên nội bộ) • Đào tạo về <u>Chiến lược Quản lý Dịch hại Tổng hợp</u> như nêu ở mục 4.5.1 • Sức khỏe và An toàn Lao động và Quy trình <u>Khẩn cấp</u> <i>Xem Phụ lục A-04-SCRL-B-CH - Quản lý</i>			✓	
1.3.4	Ban quản lý cung cấp cho người lao động các dịch vụ dựa trên kế hoạch quản lý. Các dịch vụ có thể bao gồm hoạt động đào tạo, nâng cao nhận thức, v.v. Ban quản lý ghi chép lại các dịch vụ đã cung cấp. Đối với Đào tạo, các chủ đề sau đây được thực hiện ít nhất một năm một lần: • Đào tạo về <u>Chiến lược Quản lý Dịch hại Tổng hợp</u> như nêu ở mục 4.5.1 • Sức khỏe và An toàn Lao động và Quy trình <u>Khẩn cấp</u>		✓		✓

1.4 Thanh tra Nội bộ và Tự Đánh giá

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.4.1	Ban quản lý có hệ thống thanh tra nội bộ để đánh giá tuân thủ hằng năm của tất cả <u>các bên</u> trong <u>phạm vi chứng nhận</u>. Hệ thống bao gồm: - Đối với các <u>Trang trại</u>: trang trại của các thành viên nhóm, <u>cơ sở chế biến</u> và/hoặc nhà kho và bất kỳ (các) tác nhân nào khác (bao gồm các nhà thầu phụ, đơn vị trung gian, nhà cung cấp dịch vụ). Tất cả các tác nhân đều được thanh tra nội bộ trước khi thanh tra chứng nhận lần đầu: Trong năm đầu tiên của chu kỳ chứng nhận, thanh tra nội bộ bao gồm tất cả các yêu cầu <u>có</u> áp dụng của Tiêu Chuẩn. - Sau cuộc thanh tra chứng nhận đầu chu kỳ, cuộc thanh tra nội bộ bao gồm: 100% các <u>trang trại</u> quy mô lớn là thành viên của một nhóm - Ít nhất 35% số <u>trang trại quy mô nhỏ</u>, đảm bảo rằng tất cả các trang trại quy mô nhỏ đều được kiểm tra sau ba năm. - Đối với các trang trại có nhiều đơn vị trang trại: - Việc lựa chọn mẫu đơn vị trang trại để thanh tra nội bộ được thực hiện dựa trên rủi ro. - Ưu tiên cho các đơn vị chưa được kiểm tra trước đó. - Tất cả các tác nhân mới đều được thanh tra nội bộ trước khi gia nhập nhóm. Trong các năm kế tiếp, các yêu cầu được thanh tra nội bộ sẽ dựa trên Đánh giá rủi ro (đối với trang trại, xem mục 1.3.1), kết quả thanh tra nội bộ của năm trước đó và các kết quả thanh tra độc lập trước đó. <i>Xem Phụ lục A-04-SCRL-B-CH - Quản lý</i>			✓	
1.4.2	Ban quản lý tiến hành tự đánh giá hàng năm để đánh giá khả năng tuân thủ của ban quản lý, và của tất cả các đơn vị trong <u>phạm vi chứng nhận</u>, với các yêu cầu có liên quan trong Tiêu Chuẩn. Đối với các nhóm, Ban quản lý sử dụng kết quả các cuộc thanh tra nội bộ nêu trong mục 1.4.1 để hoàn thành việc tự đánh giá.			✓	✓

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.4.3	Một hệ thống phê duyệt và xử lý vi phạm được thiết lập nhằm đảm bảo các thành viên trong nhóm tuân thủ Chương trình Chứng nhận Rainforest Alliance. Hệ thống bao gồm: • Thủ tục phê duyệt và xử phạt lập thành văn bản • Người quản lý hoặc ủy ban phê duyệt và xử phạt • Cơ chế để theo dõi các biện pháp cải thiện và khắc phục của các thành viên nhóm • Quyết định về trạng thái chứng nhận của từng thành viên nhóm đã được ký kết, lập thành văn bản và đưa vào báo cáo thanh tra nội bộ chính thức			✓	

1.5 Cơ chế khiếu nại

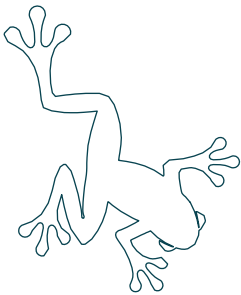
Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.5.1	Có Cơ chế khiếu nại cho phép các cá nhân, người lao động, <u>cộng đồng</u>, hoặc tổ chức dân sự, bao gồm cả người tố cáo, đưa ra khiếu nại về hoạt động của <u>Đơn vị sở hữu chứng nhận</u>. Khiếu nại có thể liên quan đến bất kỳ phần nào của Tiêu chuẩn, bao gồm các vấn đề về kỹ thuật, xã hội hoặc kinh tế. Cơ chế khiếu nại có thể do Đơn vị sở hữu chứng nhận tự thực hiện hoặc bên thứ ba cung cấp như một dịch vụ. Cơ chế khiếu nại (xem yêu cầu 1.1.1) phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau: • Người đại diện nhóm nông hộ hoặc người lao động là thành viên của ủy ban • Khiếu nại được gửi bằng bất kỳ ngôn ngữ nào và ai cũng có thể tiếp cận được cơ chế khiếu nại mà không cần biết đọc hay có kết nối mạng internet. • Chấp nhận các khiếu nại ẩn danh với <u>tính bảo mật</u>. • <u>Khắc phục</u> các vấn đề về quyền con người và quyền lao động theo <u>Quy trình Khắc phục</u>. • Ghi chép lại quá trình và chia sẻ cập nhật kịp thời việc xử lý khiếu nại và hành động đã thực hiện đối với những người bị ảnh hưởng. • Bảo vệ người gửi đơn khiếu nại khỏi việc bị trả thù. <i>Xem Phụ lục A-08-SCRL-B-CH - Xã hội</i> <i>Vui lòng xem Tài liệu Hướng dẫn SA-G-SD-6 E: Cơ Chế Khiếu Nại</i>			✓	✓

1.6 Bình Đẳng Giới

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.6.1	Ban quản lý cam kết thúc đẩy bình đẳng giới bằng cách: • Thông báo bằng văn bản tới các thành viên nhóm hoặc người lao động • Chỉ định một ủy ban (xem mục 1.1.1) chịu trách nhiệm thực hiện, giám sát và đánh giá các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới và <u>trao quyền</u> cho phụ nữ. • Đảm bảo ủy ban bao gồm ít nhất một đại diện lãnh đạo có quyền đưa ra quyết định và ít nhất một người từ mỗi giới. Lưu ý: Trong các nhóm trang trại quy mô nhỏ, có thể chỉ định một người chịu trách nhiệm thay vì một ủy ban. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-7 Hướng Dẫn F: Bình Đẳng Giới</i>			✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù				
1.6.2	Ủy ban hoặc cá nhân phụ trách: • Thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới từ Đánh giá rủi ro và đưa các biện pháp giảm thiểu rủi ro vào kế hoạch quản lý • Nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ cho lãnh đạo, nhân sự và ban quản lý (nhóm) ít nhất hàng năm • Tham gia vào việc khắc phục hậu quả các trường hợp <u>bạo lực giới</u> và <u>phân biệt đối xử dựa trên giới tính</u> theo Quy Trình Khắc Phục Hậu Quả <i>Vui lòng xem A-11-SCRL-B-FA Công cụ Đánh giá rủi ro</i> <i>Xem Phụ lục A-08-SCRL-B-CH - Xã hội</i>			✓	✓

1.7 Dữ liệu về các chỉ số

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.7.1	Ban quản lý thu thập dữ liệu chính xác về các <u>chỉ số</u> liên quan đến Tiêu chuẩn Rainforest Alliance và báo cáo dữ liệu này qua Nền tảng Chứng nhận của Rainforest Alliance. <i>Vui lòng xem Phụ lục A-10-SCRL-B-CH - Các chỉ số</i>			✓	✓



CHƯƠNG 2:

Truy nguyên sản

phẩm

Một chương trình chứng nhận nông nghiệp bền vững thành công và đáng tin cậy phải tạo được niềm tin cho người sử dụng rằng các sản phẩm chứng nhận được sản xuất theo Tiêu chuẩn. Điều này đòi hỏi một hệ thống vững mạnh và minh bạch để theo dõi sản phẩm từ khâu người nông dân xuyên suốt chuỗi cung ứng đến nhà bán lẻ.

Các yêu cầu trong chương này cung cấp cho nhà sản xuất một chương trình khung để ghi lại một cách chính xác và đáng tin cậy số lượng sản phẩm được chứng nhận, tách biệt với các sản phẩm không được chứng nhận, và quản lý giao dịch bán hàng, phương pháp chuyển đổi sang thành phẩm và sử dụng nhãn hiệu.

1. Việc ước tính, phân loại quản lý riêng biệt và ghi chép một cách chính xác về việc sản xuất cải thiện khả năng truy nguyên của các sản phẩm chứng nhận.

2. Tất cả các giao dịch được ghi lại trong hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm của Rainforest Alliance. Việc sử dụng nhãn hiệu Rainforest Alliance phải tuân theo Chính sách về Sử dụng Nhãn hiệu và Thương hiệu.



Chương 2 - Các Kết Quả của Trang Trại và Chuỗi Cung

Nâng cao mức độ tin cậy của hệ thống đảm bảo chất lượng và hệ thống truy nguyên của sản phẩm được chứng nhận



3. Đối với các cây trồng cho phép cấp độ truy nguyên trộn lẫn giữa chứng nhận và không chứng nhận theo tỷ lệ công bố, cần tuân theo các quy định bán dưới dạng sản phẩm được chứng nhận

2.1 Truy Nguyên Sản Phẩm

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
2.1.1	Tổng sản lượng <u>được chứng nhận</u> và sản lượng được chứng nhận của mỗi người sản xuất (tính bằng kg hoặc tính bằng cành đối với hoa) được ước tính mỗi năm một lần. <u>Các tính toán này dựa trên hệ phương pháp đánh tin cậy để ước tính sản lượng (tính bằng kg/ha hoặc cành/ha đối với hoa) của mẫu đại diện trên tổng số trang trại hoặc đơn vị trang trại. Phương pháp và cách tính toán được ghi chép lại.</u> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-8 Hướng Dẫn G: Ước tính sản lượng</i>			✓	✓
2.1.2	Bạn quản lý kiểm kê hàng năm: - Tổng sản lượng được chứng nhận đã thu hoạch (tính bằng kg, tính theo thân cây đối với cây hoa) - Số tồn kho sản phẩm đã mua, sản xuất, bán và lưu kho Trong trường hợp xảy ra chênh lệch > 15% giữa sản lượng ước tính và sản lượng thực tế thì phải đưa ra giải thích hợp lý và thực hiện các biện pháp để ngăn chặn xảy ra chênh lệch đó. Đối với nhóm, các chênh lệch được kiểm tra và giải trình cả ở cấp độ nhóm và đối với từng thành viên.		✓	✓	✓
2.1.3	Các sản phẩm được chứng nhận theo các Tiêu chuẩn của Rainforest Alliance phải được tách riêng rõ ràng một cách trực quan với các sản phẩm không được chứng nhận, cũng như khỏi các sản phẩm khác trong toàn bộ quá trình, bao gồm vận chuyển, lưu kho và chế biến.			✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
2.1.4	Ban quản lý lên sơ đồ quy trình sản xuất sản phẩm từ trang trại cho tới điểm cuối cùng thuộc phạm vi chứng nhận, bao gồm tất cả các bên trung gian (điểm thu mua, đơn vị vận chuyển, chế biến, kho bãi, v.v.) và các hoạt động thực hiện trên sản phẩm.			✓	✓
2.1.5	Các sản phẩm được chứng nhận có thể được truy xuất về (các) trang trại đạt chứng nhận nơi mà các sản phẩm đó được sản xuất. Ban quản lý lưu giữ các tài liệu mua và bán khớp với những lần giao hàng thực tế của các sản phẩm được chứng nhận, đa chứng nhận và không được chứng nhận, đồng thời đảm bảo rằng các đơn vị trung gian cũng thực hiện tương tự. Các chứng từ mua bán bao gồm ngày giao dịch, (các) tiêu chuẩn áp dụng, loại sản phẩm, (tỷ lệ) khối lượng được chứng nhận, thông tin thành viên nhóm và, nếu phù hợp, loại hình truy nguyên. Trong trường hợp chứng nhận nhóm, ban quản lý nhóm đảm bảo rằng các thành viên nhóm nhận được biên nhận cho mỗi lần giao hàng từ thành viên nhóm đến nhóm hoặc đơn vị trung gian, xác định tên thành viên nhóm, mã số thành viên nhóm, ngày tháng, loại và khối lượng sản phẩm. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>			✓	✓
2.1.6	Khối lượng các sản phẩm chứng nhận được bán (giao) không vượt quá tổng lượng sản xuất (đối với trang trại), khối lượng sản phẩm được chứng nhận đã mua cộng với số hàng tồn kho từ năm trước.			✓	✓
2.1.7	Không có tình trạng bán cùng một khối lượng sản phẩm hai lần. Một khi khối lượng sản phẩm theo Tiêu chuẩn Rainforest Alliance được bán dưới dạng hàng thường, hoặc theo chương trình hoặc sáng kiến bền vững khác, thì khối lượng sản phẩm đó sẽ không còn để bán tiếp nữa. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>			✓	✓
2.1.8	Thành viên nhóm lưu giữ biên lai/hóa đơn bán hàng (điện tử hoặc bằng giấy), bao gồm tên của thành viên nhóm, mã số thành viên nhóm, ngày tháng, loại sản phẩm và khối lượng.	✓	✓		
2.1.9	Phương pháp đúng để tính toán các nhân tố khi chuyển đổi sản phẩm được minh chứng và tài liệu hóa đối với mỗi loại sản phẩm chứng nhận và được phản ánh tương ứng trên hệ thống quản lý truy nguyên Áp dụng cho các trang trại quy mô lớn trong một nhóm, nếu họ có hoạt động chế biến trong phạm vi chứng nhận. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>		✓	✓	✓
2.1.10	Thiết bị được sử dụng để đo trọng lượng hoặc thể tích của sản phẩm được chứng nhận được hiệu chỉnh hàng năm.		✓	✓	✓

2.2 Truy Nguyên Sản Phẩm Trên Hệ Thống Quản Lý Trực Tuyến

Áp dụng cho các Đơn vị sở hữu chứng nhận làm việc với cây trồng có áp dụng truy nguyên trực tuyến trong Chương trình Chứng nhận của Rainforest Alliance.

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
2.2.1	Bất kỳ hoạt động nào liên quan đến khối lượng chứng nhận (chẳng hạn như khai báo kết thúc chuỗi truy nguyên, loại bỏ, bán hàng, mua hàng, xác nhận, v.v.) phải được khai báo trên hệ thống quản lý truy nguyên của Rainforest Alliance trong vòng hai tuần sau khi kết thúc quý mà hoạt động đó được thực hiện. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>			✓	✓
2.2.2	Người mua sản phẩm được Rainforest Alliance chứng nhận thường xuyên xác minh rằng các giao dịch trên nền tảng truy nguyên sản phẩm khớp với các hóa đơn cho sản phẩm được chứng nhận.			✓	✓
2.2.3	Xin phê duyệt trước khi sử dụng các công bố sản phẩm chứng nhận dành cho công chúng trên bao bì và ngoài bao bì. Cung cấp bằng chứng rằng bất cứ <u>công bố sản phẩm chứng nhận Rainforest Alliance</u> đưa ra đều hợp lệ và tuân thủ với các yêu cầu trong Chương trình Chứng nhận của Rainforest Alliance.			✓	✓
2.2.4	<u>Phí bản quyền</u> được thanh toán đầy đủ mà không có bất kỳ khoản khấu trừ thuế nào, theo các điều khoản thanh toán được quy định trong Bản Thỏa thuận cấp phép, Các Điều khoản và Điều kiện và/hoặc hóa đơn phát sinh. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>			✓	✓

2.3 Cấp Độ Truy Nguyên Trộn Lẫn Giữa Chứng Nhận Và Không Chứng Nhận Theo Tỷ Lệ Công Bố (Mass balance)

Chỉ áp dụng cho các Đơn vị sở hữu chứng nhận thực hiện cân bằng khối lượng trong các loại cây trồng cấp phép truy nguyên nguồn gốc dưới dạng cân bằng khối lượng.

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trạng thái đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
2.3.1	Khối lượng chỉ được chuyển đổi đối với những quy trình có thể xảy ra trong thực tế; việc chuyển đổi sản phẩm không thể quay trở lại sản phẩm trước đó. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>			✓	✓
2.3.2	Các khối lượng được bán ở <u>cấp truy nguyên cân bằng khối lượng (MB)</u> đảm bảo khớp 100% khối lượng mua vào dưới dạng được chứng nhận. Số dư cân đối khối lượng âm không được phép vào bất kỳ thời điểm nào.			✓	✓
2.3.3	Khi chuyển đổi giữa các Đơn vị sở hữu chứng nhận, khối lượng sản phẩm theo cấp độ truy nguyên cân bằng khối lượng luôn phải đi kèm một lô hàng thực tế. Chỉ được phép mua bán khối lượng sản phẩm mà không đi kèm lô hàng thực tế giữa các cơ sở thuộc cùng phạm vi chứng nhận.			✓	✓
2.3.4	Khối lượng đã bán dưới dạng được chứng nhận đáp ứng các yêu cầu phần trăm tối thiểu đối với thông tin xuất xứ. Yêu cầu này chỉ áp dụng đối với các sản phẩm cao có loại truy nguyên cân bằng khối lượng (MB) theo các nguyên tắc đối chiếu nguồn gốc xuất xứ như qui định. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>			✓	✓
2.3.5	Tài liệu mua và bán khối lượng sản phẩm dưới dạng được chứng nhận phải bao gồm thông tin xuất xứ ở cấp quốc gia đối với cả khối lượng đầu vào được chứng nhận và không được chứng nhận. Chỉ áp dụng đối với các sản phẩm cao có cân bằng khối lượng (mass balance) theo nguyên tắc đối chiếu nguồn gốc xuất xứ. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>			✓	✓



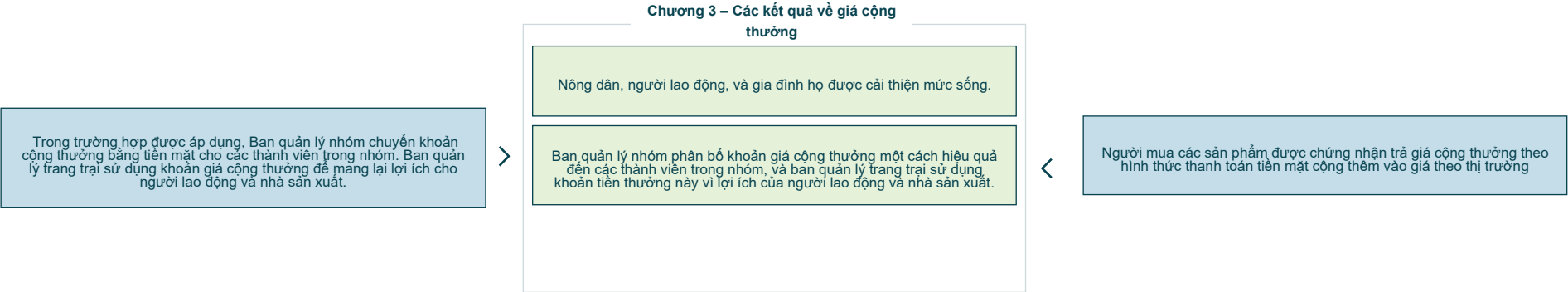
Chương 3:

Giá cộng thưởng

Rainforest Alliance hướng tới mục đích đưa tính bền vững trở thành tiêu chuẩn trong các lĩnh vực hoạt động của mình.

Điều này yêu cầu phải chuyển đổi cơ bản các nguyên lý chuỗi cung ứng sang tính bền vững về giá trị và giá cả trong sản xuất nông nghiệp như một dịch vụ vật chất. Thị trường và nhà sản xuất cùng chia sẻ chi phí thúc đẩy các thực hành bền vững tại nơi sản xuất.

Những mục tiêu này được triển khai thông qua giá cộng thưởng trong Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững.

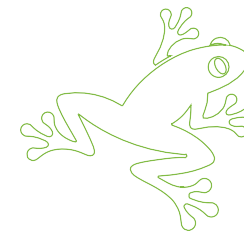


3.1 Giá cộng thưởng

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
3.1.1	Việc thanh toán <u>giá cộng thưởng</u> phải được báo cáo trên nền tảng truy nguyên sản phẩm. Đối với những loại cây trồng có quy định về giá cộng thưởng tối thiểu, số tiền thanh toán phải đáp ứng ít nhất số tiền yêu cầu. <i>Vui lòng xem Phụ lục A-06-SCRL-B-CH Tiền/Giá cộng thưởng</i>			✓	✓
3.1.2	Các Đơn vị sở hữu chứng nhận chịu trách nhiệm phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận đã ký kết trong đó nêu rõ số tiền phải thanh toán, các điều khoản và điều kiện thanh toán theo từng giai đoạn/chu kỳ. Tiền cộng thưởng không thể thanh toán bằng hiện vật và phải được chi trả một cách đầy đủ theo các điều khoản thanh toán đối với mỗi loại cây trồng được qui định cụ thể ở phụ lục này. <i>Vui lòng xem Phụ lục A-06-SCRL-B-CH Tiền/Giá cộng thưởng</i>			✓	✓
3.1.3	<u>Ban quản lý nhóm</u> phân phối ít nhất 40% tiền thưởng dưới dạng tiền mặt hoặc các khoản thanh toán tiền tệ khác cho <u>các thành viên trong nhóm</u> một cách kịp thời và thuận tiện trước mùa vụ tiếp theo, hoặc tối thiểu hàng năm trong trường hợp thu hoạch liên tục. Các thành viên trong nhóm sẽ nhận được giá cộng thưởng theo tỷ lệ tương ứng dựa trên khối lượng đã giao. Ban quản lý nhóm ghi lại và báo cáo về: • <u>giá cộng thưởng</u> nhận được theo khối lượng chứng nhận và tổng số tiền • số tiền đã thanh toán cho các thành viên trong nhóm • cách <u>giá cộng thưởng</u> được ban quản lý nhóm sử dụng, theo tỷ lệ phần trăm của tổng số tiền. <i>Vui lòng xem Phụ lục A-06-SCRL-B-CH Tiền/Giá cộng thưởng</i>			✓	
3.1.4	Bất kỳ khoản <u>tiền thưởng</u> nào đã thanh toán đều phải được chi tiêu để đem lại lợi ích cho <u>nhà sản xuất</u> hoặc <u>người lao động</u>. Ban quản lý sẽ lưu hồ sơ về: • <u>Tiền thưởng</u> đã nhận được theo khối lượng và tổng số tiền. • Việc phân bổ Tiền thưởng theo tỷ lệ phần trăm của số tiền nhận được theo khối lượng, và việc này mang lại lợi ích cho nhà sản xuất hoặc người lao động như thế nào. <i>Vui lòng xem Phụ lục A-06-SCRL-B-CH Tiền/Giá cộng thưởng</i>		✓		✓

Chương 4:

Hoạt động canh tác



Chương này tập trung vào kết quả của nông nghiệp bền vững, bao gồm năng suất cây trồng, lợi nhuận canh tác, tài nguyên thiên nhiên, và các dịch vụ hệ sinh thái. Nội dung cũng bao gồm những phương pháp góp phần vào các mục tiêu lớn hơn về Nông Nghiệp Thông Minh Thích Ứng Với Biến Đổi Khí Hậu.

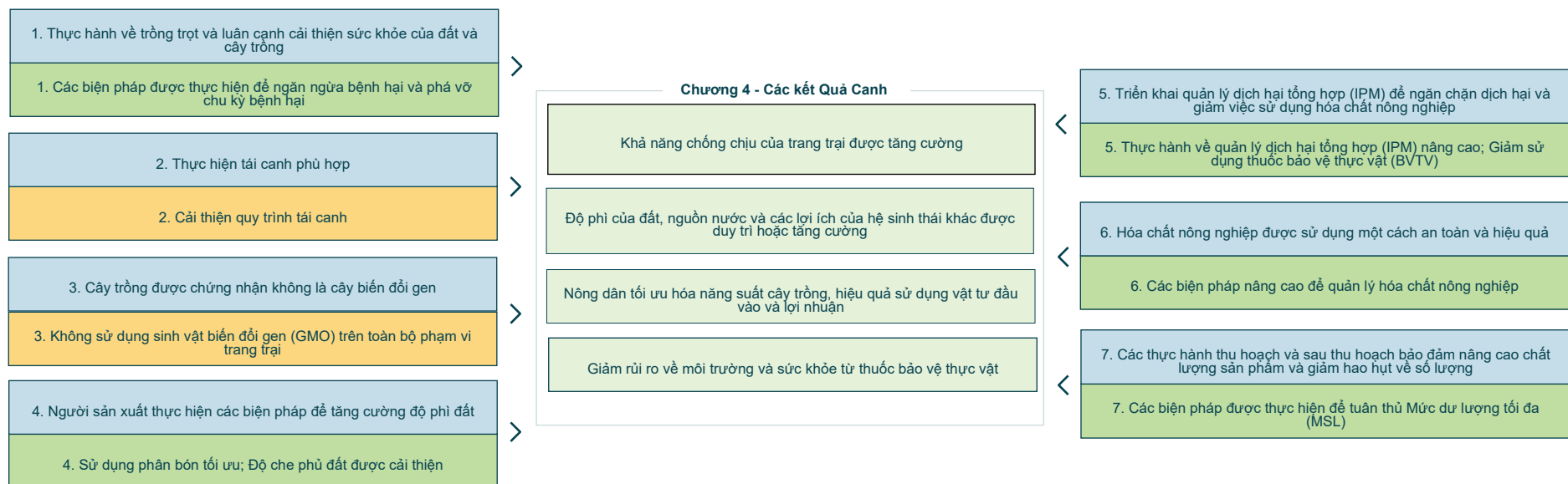
Các chủ đề trong chương về canh tác liên kết với nhau để đạt được những kết quả này. Các hoạt động nông học liên quan đến thực hành sản xuất bền vững, độ phì và bảo tồn đất, quản lý dịch hại tổng hợp, và quản lý hóa chất nông nghiệp an toàn giúp đảm bảo năng suất bền vững, lợi nhuận, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, và các dịch vụ hệ sinh thái.

Các yêu cầu khuyến khích các thực hành phù hợp với địa phương và bối cảnh cụ thể để bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu vào và tài nguyên thiên nhiên, tối ưu hóa các chu trình tự nhiên nhằm tăng cường khả năng

chống chịu với biến đổi khí hậu, tăng độ phì nhiêu và sức khỏe đất, thu hút côn trùng thụ phấn, cải thiện khả năng giữ nước và quản lý nước, giảm thiểu việc sử dụng thuốc trừ sâu và giảm tác động tiêu cực đến môi trường.

Cuối cùng, lợi nhuận của quá trình canh tác được tăng cường bằng các thực hành thu hái và công nghệ sau thu hoạch, trong đó các trang trại và nhóm cần cải thiện để đạt được chất lượng sản phẩm theo xu thế của thị trường.

Cuối cùng, lợi nhuận của quá trình canh tác được tăng cường bằng các thực hành thu hái và công nghệ sau thu hoạch, trong đó các trang trại và nhóm cần cải thiện để đạt được chất lượng sản phẩm theo xu thế của thị trường. Việc thực hiện các yêu cầu trong chương này tạo nền tảng cho các hoạt động nông nghiệp bền vững ở phạm vi rộng hơn. Kết hợp với các can thiệp khác như can thiệp tại chỗ, can thiệp về thị trường và vận động chính sách, những điều này có thể giúp tạo ra tác động trong phạm vi ngành hàng và khu vực.



4.1 Trồng Cây Và Luân Canh

Số thứ tự	Các yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.1.1	Giống cây để trồng, ghép và <u>cải tạo</u> được lựa chọn dựa trên chất lượng, năng suất, khả năng chống chịu <u>sâu</u> và bệnh hại, cũng như khả năng thích ứng với khí hậu trong suốt vòng đời của cây trồng. Giống cây trồng không bị nhiễm sâu bệnh hại.	✓	✓		✓
4.1.2	Đối với việc trồng mới, nhà sản xuất tuân theo một hệ thống canh tác đã được thiết lập tốt và có tính đến nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm: • Yêu cầu về giống cây được sử dụng • Điều kiện địa lý, sinh thái và các điều kiện nông học • Đa dạng hóa và xen canh các loại cây trồng có độ sâu rễ nằm ở các tầng đất khác nhau nhằm nâng cao chất lượng và sức khỏe của đất • Mật độ trồng	✓	✓		✓
Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
4.1.3	Dựa trên chiến lược quản lý dịch hại tổng hợp, <u>nhà sản xuất</u> triển khai các biện pháp ngăn ngừa <u>sâu bệnh</u> và bệnh dịch và phá vỡ chu kỳ sinh học của chúng, hỗ trợ cải thiện chất lượng đất và kiểm soát cỏ dại. Các biện pháp đó có thể bao gồm xen canh, và các biện pháp khác được thực hiện giữa các chu kỳ cây trồng, chẳng hạn như <u>luân canh</u> cây trồng hoặc để đất trống một thời gian. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-9 Hướng Dẫn H: Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp (IPM)</i>	✓	✓		✓

4.2 Cắt tỉa và tái sinh cây trồng lâu năm

Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.2.1	Nhà sản xuất thực hiện chu kỳ <u>cắt tỉa</u> để hình thành, duy trì và <u>phục hồi</u> phù hợp theo đặc thù cây trồng, điều kiện sinh thái nông nghiệp, và hướng dẫn cắt tỉa có thể áp dụng. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-10 Hướng Dẫn I: Cắt cành, tạo tán</i>	✓	✓		✓

4.3 Sinh vật Biến Đổi Gen (GMOs)

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.3.1	Cây trồng <u>được chứng nhận</u> không là giống/cây biến đổi gen(GMO).	✓	✓	✓	✓

4.4 Độ Phì Đất Và Bảo Tồn Đất

Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn

4.4.1	Ban quản lý tiến hành <u>đánh giá đất</u> bằng mẫu đại diện của tổng diện tích. Đánh giá đất bao gồm: a. Các khu vực dễ bị xói mòn và khu vực dốc b. Kết cấu đất c. Độ sâu tầng canh tác và các tầng đất d. Độ nén, cấu trúc đất của các khu vực e. Độ ẩm đất và mức giữ nước f. Điều kiện thoát nước g. Các cấp độ dinh dưỡng đa lượng và chất hữu cơ. Điều này được đánh giá thông qua các phân tích mẫu đất và/hoặc quan sát các triệu chứng thiếu hụt chất dinh dưỡng bằng mắt thường (phân tích lá) đối với mẫu đại diện của các khu vực. Đánh giá đất được cập nhật ít nhất ba năm một lần. Đối với cây hàng năm, điểm g. về Cấp độ dinh dưỡng đa lượng và chất hữu cơ được đánh giá hàng năm.		✓	✓	✓
4.4.2	Dựa trên kết quả đánh giá đất, ban quản lý xác định các biện pháp quản lý đất và đưa các biện pháp này trong kế hoạch quản lý để cải thiện hàm lượng hữu cơ, tăng chu kỳ dinh dưỡng và tối ưu hóa độ ẩm của đất. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-12 Hướng Dẫn J: Độ Phi và Bảo Tồn Đất</i>		✓	✓	✓
4.4.3	<u>Nhà sản xuất</u> ưu tiên sử dụng <u>phân bón hữu cơ</u> sản xuất tại trang trại. Nếu cần thêm chất dinh dưỡng, họ sẽ bổ sung bằng các loại <u>phân bón vô cơ</u> hoặc hữu cơ khác. Phân động vật được ủ hoai để giảm thiểu <u>rủi ro</u> và cần được để cách các diện tích mặt nước ít nhất 25 mét.	✓	✓		✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cải tiến liên tục	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.4.4	Đất trong khu vực sản xuất được che phủ bằng các phương pháp như thâm phủ, phế phẩm cây trồng, hoặc lớp phủ để tránh để lộ đất trống.	✓	✓		✓
4.4.5	Phân bón được sử dụng để đảm bảo chất dinh dưỡng cho cây trồng vào thời điểm và địa điểm phù hợp, giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường.	✓	✓		✓
4.4.6	Các <u>nhà sản xuất</u> giám sát và tối ưu hóa việc sử dụng <u>phân bón vô cơ</u> .	✓	✓		✓

4.5 Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp (IPM)

Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm	Chứng nhận trang trại đơn lẻ
-----------	-----------------	-----------------	------------------------------

		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.5.1	Ban quản lý lập và triển khai chiến lược <u>Quản lý Dịch hại Tổng hợp</u>, được xây dựng bởi <u>chuyên gia có năng lực</u>, bao gồm cả cho các cơ sở chế biến. Chiến lược bao gồm các biện pháp về phòng ngừa, giám sát, ngưỡng và can thiệp. Chiến lược được dựa theo điều kiện khí hậu, kết quả theo dõi giám sát <u>sâu bệnh</u>, các hoạt động đã triển khai, và hồ sơ sử dụng <u>thuốc bảo vệ thực vật</u>. Chiến lược Quản lý Dịch hại Tổng hợp được cập nhật hàng năm. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-9 Hướng Dẫn H: Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp</i>		✓	✓	✓

Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.5.2	Dựa trên chiến lược <u>Quản lý Dịch hại Tổng hợp</u>, <u>nhà sản xuất</u> cải thiện các <u>hệ sinh thái tự nhiên</u> gần khu vực sản xuất cây trồng để cung cấp môi trường sống cho các loài <u>thiên địch</u>. Ví dụ như xây trại côn trùng, trồng cây và bụi cây thu hút chim, dơi và động vật thụ phấn, cải tạo các vùng trũng thành ao nhỏ có thảm thực vật, cải thiện các khu vực ven sông và thảm thực vật.	✓	✓		✓

4.6 Quản Lý Hóa Chất Nông Nghiệp

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trạng thái đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.6.1	Không sử dụng <u>hóa chất nông nghiệp</u>: - Nằm trong Danh Mục <u>Thuốc Trừ Sâu Bị Cấm</u> hoặc Danh Mục <u>Thuốc Trừ Sâu Đã Lỗi Thời</u> của Rainforest Alliance - Bị cấm bởi <u>luật hiện hành</u> - Không được đăng ký hợp pháp tại quốc gia mà <u>trang trại</u> đang hoạt động Các nhà sản xuất chỉ sử dụng các hóa chất nông nghiệp được bán bởi các nhà cung cấp được ủy quyền, trong bao bì nguyên gốc và được niêm phong. Các chất hóa học sử dụng cho gia súc hoặc vật nuôi không nằm trong phạm vi của tiêu chuẩn này Áp dụng cho ban quản lý nhóm trong trường hợp ban quản lý nhóm có nhiệm vụ mua sắm. <i>Xem Phụ lục A-07-SCRL-B-FA - Canh tác</i>	✓	✓	✓	✓
4.6.2	Nhà sản xuất sử dụng thuốc trừ sâu trong danh sách Giảm thiểu Rủi ro phải thực hiện tất cả các biện pháp liên quan được mô tả trong Phụ lục Chương 4: Nhà sản xuất sử dụng thuốc trừ sâu theo Chính sách Sử dụng Đặc biệt phải làm theo tất cả các biện pháp thực hành tương ứng được nêu chi tiết trong chính sách này và tuân thủ quy trình yêu cầu và báo cáo về trường hợp ngoại lệ như được nêu trong phụ lục. <i>Xem Phụ lục A-07-SCRL-B-FA - Canh tác</i> <i>Xem A-12-SCRL-B-FA Chính sách Sử dụng Đặc biệt: Các trường hợp ngoại lệ được chấp thuận và Điều kiện để Sử dụng Thuốc trừ sâu Bị cấm của Rainforest Alliance</i>	✓	✓		✓
4.6.3	Người sử dụng thuốc trừ sâu được đào tạo hàng năm về cách chuẩn bị và phun thuốc. Họ sử dụng <u>Đồ Bảo Hộ Cá Nhân (PPE)</u> theo chỉ định trên nhãn sản phẩm hoặc <u>Bảng Chỉ Dẫn Sử Dụng Hóa Chất/Vật liệu An toàn (MSDS)</u>, hoặc <u>quần áo bảo hộ cơ bản</u> dựa trên độ <u>rủi ro</u> nếu không có thông tin chỉ dẫn. Đồ Bảo Hộ Cá Nhân phải ở tình trạng tốt, được giặt sạch và bảo quản an toàn sau khi sử dụng, và không được mang vào nơi ở của người lao động. Đồ dùng 1 lần cần được thải bỏ sau 01 lần sử dụng. Đồ Bảo Hộ Cá Nhân được cung cấp miễn phí, và ban quản lý trang trại/nhóm ghi chép, giám sát và đảm bảo thực thi việc sử dụng Đồ Bảo Hộ Cá Nhân.	✓	✓	✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.6.4	Người pha và phun thuốc trừ sâu phải tắm rửa, thay đồ và giặt quần áo sau khi phun thuốc. Ban quản lý nên cung cấp cho họ một khu vực riêng tư, nước, xà phòng và, nếu có thể, cơ sở vật chất cho việc tắm rửa.	✓	✓	✓	✓
4.6.5	<u>Thuốc trừ sâu</u> được pha chế và sử dụng theo hướng dẫn trên nhãn sản phẩm, <u>MSDS</u> hoặc thẻ an toàn, hoặc theo khuyến nghị của một tổ chức quốc gia chính thức hoặc kỹ thuật viên có năng lực, đặc biệt là liên quan đến: - Vận chuyển an toàn đến khu vực sử dụng - Sử dụng liều lượng chính xác - Sử dụng thiết bị và kỹ thuật thích hợp - Điều kiện thời tiết thích hợp - Lưu ý đến <u>thời gian tái tiếp cận (restricted entry intervals, REI)</u>, bao gồm các biển cảnh báo bằng ngôn ngữ địa phương và thông báo trước cho những cá nhân hoặc cộng đồng có khả năng bị ảnh hưởng Khi không có thông tin khác, thời gian tái tiếp cận (REI) tối thiểu là 48 giờ đối với các sản phẩm loại II của WHO và 12 giờ đối với các sản phẩm khác. Khi hai hoặc nhiều sản phẩm có thời gian cách ly (REI) khác nhau được sử dụng cùng một lúc, áp dụng khoảng thời gian dài nhất Các phương pháp tính toán khối lượng và liều lượng được xem xét và tinh chỉnh để giảm sự pha trộn dư thừa và lạm dụng thuốc trừ sâu. Tuân thủ <u>thời gian cách ly (PHI)</u> của thuốc trừ sâu theo quy định đã ghi trên bao bì, nhãn hoặc thẻ bảo mật của sản phẩm hoặc quy định của tổ chức chính thức. Khi hai hoặc nhiều sản phẩm có thời gian cách ly (PHI) khác nhau được sử dụng cùng một lúc, áp dụng khoảng thời gian dài nhất.	✓	✓	✓	✓
4.6.6	Các cơ chế đã được thiết lập để ngăn ngừa sự ô nhiễm từ <u>thuốc trừ sâu</u> , bằng cách <u>phun sương</u> hoặc các phương thức khác, từ các khu vực đã xử lý đến các khu vực khác, bao gồm tất cả các hệ sinh thái thủy sinh và trên cạn cũng như cơ sở hạ tầng. Những cơ chế bao gồm <u>hàng rào thực vật</u> không phải cây trồng, <u>khu vực cấm sử dụng hóa chất nông nghiệp</u> , hoặc các biện pháp hiệu quả khác.	✓	✓	✓	✓
4.6.7	Chỉ được phép phun từ trên không theo các điều kiện như được nêu trong Phụ lục Chương 4: <i>Xem Phụ lục A-07-SCRL-B-FA - Canh tác</i>	✓	✓	✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.6.8	Ghi chép lại các đợt sử dụng thuốc trừ sâu. Các hồ sơ ghi chép bao gồm: - Tên thương mại sản phẩm và (các) hoạt chất - Ngày và giờ sử dụng - Vị trí và khu vực (quy mô) sử dụng - Liều lượng và thể tích (hữu cơ hoặc vô cơ) - Cây trồng - Tên của (những) người phun - Trị <u>loại sâu</u> gì Ban quản lý nhóm giúp thành viên nhóm ghi chép và lưu trữ hồ sơ khi cần.	✓	✓	✓	✓
4.6.9	Các bao bì thuốc trừ sâu rỗng và thiết bị phun được rửa ba lần, bằng nước rửa được sử dụng trong mẻ pha cuối cùng để phun lên cây trồng. Sau khi phun thuốc trừ sâu, thiết bị phun được rửa ba lần, và bất kỳ hỗn hợp còn sót lại được pha loãng với mười lần lượng nước sạch và phun đều trên khu vực đã được xử lý để giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường và sức khỏe. Bao bì thuốc trừ sâu rỗng được lưu trữ một cách an toàn cho đến khi chúng có thể được xử lý an toàn thông qua một chương trình thu gom hoặc tái chế chính thức hoặc trả lại cho nhà cung cấp. Nếu nhà cung cấp không nhận lại các bao bì chai lọ rỗng, cất hoặc đục lỗ để tránh sử dụng vào các mục đích khác. Trả lại các chất trừ sâu bị cấm, <u>quá hạn</u> cho nhà cung cấp hoặc chính quyền địa phương. Trong trường hợp không có hệ thống thu gom, dán nhãn và lưu trữ các chai lọ rỗng này một cách an toàn và tách biệt khỏi các sản phẩm khác trong một khu vực được khóa.	✓	✓	✓	✓
4.6.10	Hóa chất nông nghiệp và thiết bị phun được lưu trữ theo hướng dẫn trên nhãn mác bao bì để giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe con người. Hóa chất nông nghiệp phải được chứa trong thùng/chai lọ hoặc bao bì đựng ban đầu. Cơ sở vật chất dùng để lưu trữ hóa chất nông nghiệp và thiết bị phun cần phải: - Khô ráo, sạch sẽ, và thông thoáng - Được làm từ vật liệu không thấm nước - Được khóa an toàn và chỉ những người xử lý đã qua đào tạo mới có thể ra vào được - Không ở trong phạm vi tiếp cận của trẻ em - Tách biệt với cây trồng, sản phẩm thực phẩm, và vật liệu đóng gói	✓			

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.6.11	Bảo quản hóa chất nông nghiệp và các thiết bị phun phù hợp với hướng dẫn trên nhãn mác bao bì và theo cách thức giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe con người. Bảo quản hóa chất nông nghiệp trong bao bì nguyên gốc hoặc thùng chứa ban đầu. Các phương tiện bảo quản hóa chất nông nghiệp và thiết bị sử dụng được: • Khô ráo, sạch sẽ, thông thoáng và có mái che chắc chắn và sàn không thấm nước • Khô hóa an toàn và chỉ những người xử lý được đào tạo có thể sử dụng • Tách biệt với cây trồng, sản phẩm thực phẩm hoặc vật liệu đóng gói • Có dụng cụ chống tràn, đổ rơi vãi trong trường hợp khẩn cấp • Có các biển báo và biểu đồ cảnh báo an toàn trực quan và dễ hiểu • Có quy trình khẩn cấp, khu vực rửa mắt và tắm vòi sen dùng khi khẩn cấp Đối với các trang trại quy mô nhỏ trong nhóm, chỉ áp dụng yêu cầu 4.6.10.		✓	✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù				
4.6.12	Cập nhật và duy trì danh mục kiểm kê, bảo quản thuốc trừ sâu. Danh sách kiểm kê bao gồm: • Ngày mua • Tên thương mại sản phẩm và hoạt chất, bao gồm biểu thị hóa chất nằm trong danh sách Giảm Thiểu Rủi Ro • Khối lượng • Ngày hết hạn Đối với các nhóm chỉ áp dụng cho lưu kho tập trung.		✓	✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
4.6.13	Thiết bị được sử dụng để pha trộn và phun hóa chất nông nghiệp được hiệu chỉnh ít nhất mỗi năm một lần, sau mỗi lần bảo dưỡng, và trước khi được sử dụng với một loại hóa chất nông nghiệp khác.	✓	✓	✓	✓

4.7 Các Thực Hành Khi Thu Hoạch Và Sau Thu Hoạch

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.7.1	Sản phẩm được xử lý để duy trì chất lượng và số lượng trong suốt quá trình thu hoạch và <u>sau thu hoạch</u>, ví dụ như khi bốc xếp, chế biến, đóng gói, vận chuyển, và bảo quản. Điều này bao gồm: • Thu hoạch sản phẩm vào thời điểm thích hợp để tối ưu hóa chất lượng • Giảm thiểu tối đa tổn hại cho cây trồng cho sản xuất trong tương lai • Ngăn ngừa ô nhiễm từ các chất lạ, sản phẩm tẩy rửa, hóa chất nông nghiệp, vi sinh vật, và sâu bệnh • Tránh hư hại do ẩm gây ra • Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo, mát mẻ, tối và thông khí tốt • Bảo dưỡng và làm sạch các công cụ, máy móc và thiết bị được sử dụng trong quá trình thu hoạch và sau thu hoạch • Sử dụng vật liệu đóng gói phù hợp và được phê duyệt cho sản phẩm thực phẩm	✓	✓	✓	✓
Số thứ tự	Các yêu cầu cải tiến liên tục				
4.7.2	Các biện pháp được thực hiện để tuân thủ <u>mức dư lượng hóa chất nông nghiệp tối đa cho phép</u> (MRL) do quốc gia sản xuất và các quốc gia điểm đến của sản phẩm quy định. Những biện pháp này bao gồm: • Tuân thủ nghiêm ngặt các hướng dẫn trên nhãn mác của hóa chất nông nghiệp được sử dụng sau khi thu hoạch • Thu thập thông tin về dư lượng trong sản phẩm bằng cách tự thử nghiệm (tùy chọn) hoặc qua thông tin từ người mua • Thực hiện hành động trong trường hợp vượt quá mức dư lượng hóa chất nông nghiệp tối đa cho phép • Thông báo cho người mua nếu vượt quá mức dư lượng hóa chất nông nghiệp tối đa cho phép		✓	✓	✓

CHƯƠNG 5:

Xã Hội



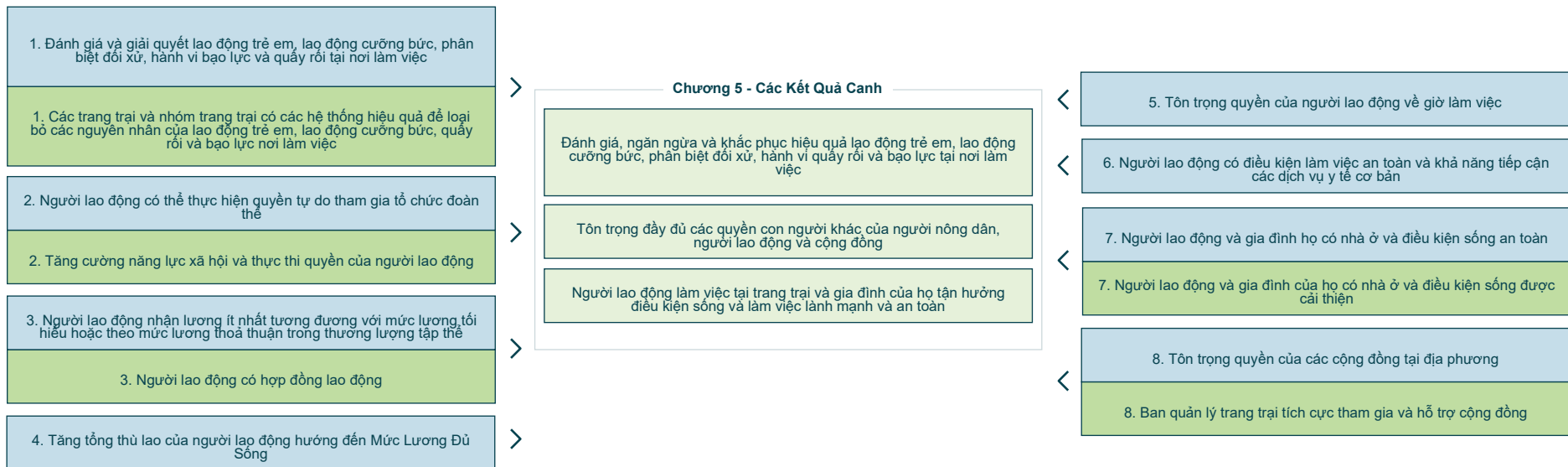
Chương về Xã hội hướng đến trao quyền cho nhà sản xuất và người lao động nhằm cải thiện điều kiện sinh sống và làm việc của họ, thúc đẩy bình đẳng và tôn trọng cho tất cả mọi người, với mối quan tâm đặc biệt tới các nhóm dễ bị tổn thương như người di cư, trẻ em, thanh thiếu niên, và phụ nữ, cũng như tăng cường bảo vệ quyền của người và quyền lao động ở các trang trại được chứng nhận.

Nông nghiệp bền vững về bản chất được gắn liền với sinh kế của hàng triệu hộ sản xuất, gia đình và cộng đồng của họ. Để hỗ trợ sinh kế bền vững, Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững Rainforest Alliance xây dựng các yêu cầu liên quan đến quyền con người và quyền lao động cơ bản, Mức Lương đủ sống, sức khỏe và an toàn, cũng như điều kiện sinh sống và làm việc thỏa đáng. Các trang trại và nhóm phải tôn trọng quyền hợp pháp và tập quán của người bản địa. Những yêu cầu này phù hợp với các Nguyên tắc Hướng Dẫn của Liên Hợp Quốc về Kinh Doanh và Quyền Con Người, các công ước liên quan của ILO, và các khái niệm của nhiều bên liên quan như Mức Lương đủ sống, được phát triển phối hợp với Liên Minh Mức Lương đủ sống Toàn Cầu.

Trong các trang trại Được Rainforest Alliance Chứng Nhận không để xảy ra việc vi phạm quyền con người như lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử hoặc quấy rối và bạo lực nơi làm việc. Đối với bốn loại vi phạm này, hệ thống chứng nhận của chúng tôi áp dụng mô hình "Đánh giá và xử lý", mô hình này vượt ra ngoài cách tiếp cận nghiêm cấm đơn giản để thúc đẩy sự thay đổi. Dựa trên nguy cơ cao xảy ra các vi phạm này trong

một số chuỗi cung ứng nông nghiệp, trang trại và nhóm phải triển khai một hệ thống chặt chẽ, bao gồm đánh giá rủi ro và thực hiện các biện pháp giảm thiểu liên quan. Thêm vào đó, các trang trại và nhóm cần thường xuyên thực hiện tự giám sát và khắc phục bất kỳ trường hợp vi phạm nào đã được phát hiện. Các trường hợp nghiêm trọng, nếu không được khắc phục và/hoặc vi phạm luật hiện hành sẽ dẫn đến hậu quả quyết định chứng nhận không đạt, đình chỉ hoặc hủy bỏ chứng nhận. Mô hình "Đánh Giá và Xử Lý" này được trình bày chi tiết hơn trong yêu cầu 5.1 và các phụ lục liên quan.

Ngoài ra, hệ thống chứng nhận còn nhằm mục đích giúp người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và gia đình của họ bắt đầu hành trình đạt được mức sống tốt: Bước đầu, tiêu chuẩn khuyến khích các nhóm và trang trại hiểu về mối liên hệ giữa mức lương của các thành viên và/hoặc người lao động của họ và các tiêu chuẩn Mức Lương Đủ Sống liên quan. Để đạt được mục tiêu này, tiêu chuẩn bắt buộc phải tôn trọng quyền của người lao động đối với thương lượng tập thể và quyền tự do tham gia tổ chức đoàn thể, các điều kiện sống và làm việc lành mạnh, an toàn và khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Mặc dù hệ thống này hướng đến góp phần cải thiện mức lương cho người lao động, Rainforest Alliance nhận thức được hạn chế của các đơn vị sản xuất khi đơn phương giải quyết vấn đề lương thấp. Theo Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Kinh doanh và Quyền Con Người, cách tiếp cận của chúng tôi là mang đến sự minh bạch về mức lương hiện tại đối với các đơn vị sản xuất nông nghiệp.



Đánh Giá và Xử Lý, Lao Động Trẻ Em, Lao Động Cường Bức, Phân Biệt Đối Xử, Hành Vi Bạo Lực và Quấy Rối Tại Nơi Làm Việc

Lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử, bạo lực và quấy rối tại nơi làm việc bị nghiêm cấm tại các trang trại Được Rainforest Alliance Chứng Nhận. Đơn vị sở hữu chứng nhận phải có biện pháp giám sát và giảm thiểu những rủi ro này thông qua hệ thống đánh giá và xử lý. Cần giải quyết tất cả các trường hợp đã được phát hiện. Việc không khắc phục các trường hợp nghiêm trọng hoặc các vi phạm pháp luật sẽ dẫn đến quyết định không được chứng nhận, đình chỉ hoặc hủy bỏ chứng nhận.

Bốn yêu cầu Cơ bản đề cập đến lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử, bạo lực và quấy rối tại nơi làm việc. Bốn yêu cầu bổ sung về Cải tiến Liên tục áp dụng với tình trạng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức khi những vấn đề này có nguy cơ ở mức trung bình/cao theo như bản đồ rủi ro của Rainforest Alliance. Nếu không có sẵn thông tin về cấp độ rủi ro, đánh giá rủi ro của Đơn vị sở hữu chứng nhận sẽ được sử dụng. Yêu cầu Cải tiến Liên tục về phân biệt đối xử và hành vi bạo lực và quấy rối tại nơi làm việc chỉ được áp dụng với các trang trại quy mô lớn và trang trại chứng nhận đơn lẻ.

Lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử và bạo lực/quấy rối được định nghĩa trong Phụ Lục S1: Bảng thuật ngữ. Những định nghĩa này dựa trên các tiêu chuẩn liên quan của ILO, bao gồm:

Công Ước về Độ Tuổi Tối Thiểu của ILO, 1973 (Số 138)

Công Ước về Các Hình Thức Lao Động Trẻ Em Tồi Tệ Nhất, 1999 (Số 182)

Công Ước về Lao Động Cường Bức, 1930 (Số 29)

Công Ước về Bãi Bỏ Lao Động Cường Bức, 1957 (Số 105)

Công Ước về Thù Lao Bình Đẳng, 1951 (Số 100)

Công Ước về Phân Biệt Đối Xử (Việc Làm và Nghề Nghiệp), 1958 (Số 111)

Công Ước về Quấy Rối và Bạo Hành, 2019 (Số 190)

Công Ước về Xóa Bỏ Tất Cả Các Hình Thức Phân Biệt Đối Xử đối với Phụ Nữ (CEDAW)

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.1.1	Cam kết: Ban quản lý cam kết đánh giá và xử lý lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử, quấy rối và bạo lực tại nơi làm việc bằng cách: • Phối hợp với các ủy ban/cá nhân chịu trách nhiệm quản lý khiếu nại và các vấn đề về giới (xem yêu cầu 1.1.1). • Nâng cao nhận thức về bốn vấn đề này với đội ngũ quản lý và nhân viên (nhóm) ít nhất mỗi năm một lần. • Thông báo bằng văn bản cho người lao động/thành viên nhóm biết rằng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử, quấy rối và bạo hành nơi làm việc sẽ không được dung thứ, và ban quản lý thiết lập hệ thống đánh giá và xử lý các trường hợp liên quan. Thông tin này luôn luôn được trưng bày rõ ràng tại các vị trí trung tâm. Lưu ý: Trong các nhóm trang trại quy mô nhỏ, có thể chỉ định một người chịu trách nhiệm thay vì một ủy ban. <i>Vui lòng xem Tài Liệu Hướng Dẫn SA-G-SD-1 L: Đánh Giá và Xử Lý</i>		✓	✓	✓
5.1.2	Giảm thiểu rủi ro: Đại diện lãnh đạo/ủy ban đưa các biện pháp giảm thiểu vào kế hoạch quản lý. Đơn vị sở hữu chứng nhận có thể sử dụng các biện pháp giảm thiểu được xác định trong bản đánh giá rủi ro và triển khai các biện pháp tương ứng. <i>Vui lòng xem A-11-SCRL-B-FA Công cụ Đánh giá rủi ro</i>		✓	✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.1.3	Giám sát: Người đại diện lãnh đạo/ủy ban Theo dõi rủi ro và việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro: • Báo cáo các trường hợp tiềm ẩn lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử, quấy rối và bạo hành nơi làm việc cho ban quản lý và cho ủy ban khiếu nại Theo dõi các hoạt động khắc phục hậu quả (xem 5.1.4) Cường độ làm việc của hệ thống giám sát được điều chỉnh theo mức độ rủi ro và vấn đề nổi cộm. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-20 Hướng Dẫn R: Công Cụ Theo Dõi Đánh Giá và Xử Lý</i>		✓	✓	✓
5.1.4	Khắc Phục Hậu Quả: Người đại diện/ủy ban quản lý đề ra trong kế hoạch quản lý cách khắc phục các trường hợp lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử, quấy rối và bạo lực tại nơi làm việc. Khắc phục các trường hợp đã xác nhận và ghi lại theo Quy Trình Khắc Phục Hậu Quả của Rainforest Alliance. Bảo vệ sự an toàn và tính bảo mật của nạn nhân trong suốt quy trình. <i>Xem Phụ lục A-08-SCRL-B-CH - Xã hội</i>		✓	✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cải tiến liên tục	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
	Áp dụng trong trường hợp rủi ro trung bình/cao đối với lao động trẻ em và/hoặc lao động cưỡng bức theo bản đồ rủi ro về lao động trẻ em và lao động cưỡng bức của Rainforest Alliance. Các trang trại quy mô lớn và được chứng nhận riêng lẻ luôn thực hiện các biện pháp cải tiến chống phân biệt đối xử, quấy rối và bạo lực tại nơi làm việc.				
5.1.5	Trong năm đầu tiên được cấp chứng nhận, người đại diện/ủy ban quản lý: • Tiến hành Đánh giá rủi ro đánh giá và xử lý đối với (các) vấn đề có mức rủi ro trung bình/cao • Đưa các biện pháp giảm thiểu tương ứng vào kế hoạch quản lý (1.3.2) • Thực hiện các biện pháp này Lặp lại Đánh giá rủi ro đánh giá và xử lý ít nhất ba năm một lần. <i>Vui lòng xem A-11-SCRL-B-FA Công cụ Đánh giá rủi ro</i>		✓	✓	✓
5.1.6	Đại diện/ủy ban quản lý tiến hành đào tạo/nâng cao nhận thức về lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử, quấy rối và bạo lực tại nơi làm việc cho tất cả các thành viên nhóm (trang trại quy mô nhỏ) hoặc người lao động (của trang trại quy mô lớn hoặc các trang trại được chứng nhận riêng lẻ).		✓	✓	✓
5.1.7	Ban quản lý thực hiện các biện pháp để đảm bảo cho con em của nhân viên (nhóm), thành viên trong nhóm, và người lao động là thành viên nhóm được đi học.			✓	
	Áp dụng trong trường hợp rủi ro trung bình/cao đối với lao động trẻ em và/hoặc lao động cưỡng bức theo bản đồ rủi ro về lao động trẻ em và lao động cưỡng bức của Rainforest Alliance. Các trang trại quy mô lớn và được chứng nhận riêng lẻ luôn thực hiện các biện pháp cải tiến chống phân biệt đối xử, quấy rối và bạo lực tại nơi làm việc.				
5.1.8	Ban quản lý đảm bảo vận hành tốt hệ thống đánh giá và xử lý. Vì mục đích này, từ năm thứ nhất trở đi, thực hiện đánh giá hàng năm về hệ thống đánh giá và xử lý đối với (các) vấn đề liên quan dựa trên năm yếu tố sau: • Thực hiện hiệu quả các biện pháp giảm thiểu • Đào tạo hiệu quả về các chủ đề đánh giá và xử lý liên quan • Hợp tác hiệu quả với các tác nhân bên ngoài • Giám sát hiệu quả hệ thống đánh giá và xử lý • Cộng tác nội bộ hiệu quả về các chủ đề đánh giá và xử lý <i>Vui lòng xem Tài Liệu Hướng Dẫn SA-G-SD-1 L: Đánh Giá và Xử Lý</i>		✓	✓	✓

5.2 Tự Do Tham Gia Tổ Chức Đoàn Thể Và Thương Lượng Tập Thể

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.2.1	Người lao động có thể thành lập và tham gia công đoàn hoặc <u>tổ chức của người lao động</u> theo ý mình và tham gia đàm phán tập thể mà không cần sự phê duyệt của người sử dụng lao động, theo như <u>luật pháp hiện hành</u>. Đại diện người lao động được bầu chọn một cách dân chủ trong các cuộc bầu chọn tự do, công bằng, định kỳ. Ban quản lý có chính sách bằng văn bản về quyền của người lao động và đảm bảo rằng người lao động hiểu rõ về chính sách này, trưng bày chính sách một cách rõ ràng ở nơi làm việc vào mọi thời điểm. Nếu luật pháp hạn chế <u>tự do tham gia tổ chức đoàn thể</u> và thương lượng tập thể, ban quản lý sẽ hỗ trợ các phương thức thay thế để thành lập và tham gia tổ chức đoàn thể tự do và độc lập, thương lượng, và đối thoại với người lao động. Công Ước Số 87 của ILO về Tự do Liên Kết và Bảo vệ Quyền Tổ chức, 1948 Khuyến Nghị của ILO về Đại Diện Người Lao Động, 1971 (Số 143) <i>Đối với các trang trại nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu họ đang tuyển dụng:</i> - 10 lao động tạm thời trở lên, mỗi người làm việc liên tục từ 3 tháng trở lên, và/hoặc - 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch	✓	✓	✓	✓
5.2.2	Người lao động được bảo vệ khỏi sự <u>phân biệt đối xử</u> hoặc <u>trả đũa</u> vì việc tham gia các hoạt động công đoàn. Ban quản lý không được phép trừng phạt, hối lộ, hoặc gây ảnh hưởng đến các thành viên hoặc đại diện của công đoàn. Các hồ sơ chấm dứt phải bao gồm lý do và các quan hệ công đoàn. Ban quản lý không được can thiệp vào các tổ chức của người lao động, các cuộc bầu chọn hoặc nhiệm vụ của họ. Công Ước của ILO về Quyền Tổ Chức và Thương Lượng Tập Thể, 1949 (Số 98) Khuyến Nghị ILO về Đại Diện Người Lao Động, 1971 (Số 143) <i>Đối với các trang trại nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu họ đang tuyển dụng:</i> - 10 lao động tạm thời trở lên, mỗi người làm việc liên tục từ 3 tháng trở lên, và/hoặc - 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch	✓	✓	✓	✓

Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.2.3	Ban quản lý phân bổ cho đại diện người lao động thời gian nghỉ việc được trả lương hợp lý để thực hiện chức năng đại diện và tham gia các cuộc họp. Khi cần thiết, ban quản lý cung cấp cho những đại diện này cơ sở vật chất phù hợp, bao gồm không gian họp, công cụ giao tiếp, và dịch vụ chăm sóc trẻ em. Ban quản lý cho tổ chức của người lao động và/hoặc công đoàn quyền tiếp cận bảng thông báo để đăng thông tin về hoạt động của họ. Ban quản lý tổ chức đối thoại với những đại diện người lao động được bầu chọn tự do để cùng trao đổi và giải quyết về điều kiện làm việc và điều khoản tuyển dụng. Ban quản lý lưu giữ các biên bản cuộc họp với tổ chức người lao động và/hoặc công đoàn. Công Ước của ILO về Đại Diện Người Lao Động, 1971 (Số 135) Khuyến Nghị của ILO về Đại Diện Người Lao Động, 1971 (Số 143) <i>Đối với các trang trại nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu họ đang tuyển dụng:</i> - 10 lao động tạm thời trở lên, mỗi người làm việc liên tục từ 3 tháng trở lên, và/hoặc - 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch	✓	✓	✓	✓

5.3 Tiền Lương Và Hợp Đồng

Số thứ tự	Các yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.3.1	Người lao động được thuê liên tiếp từ 3 tháng trở lên phải có hợp đồng bằng văn bản được ký kết bởi cả hai bên. Những người được thuê dưới 3 tháng phải có ít nhất một hợp đồng bằng miệng, và người sử dụng lao động phải lưu giữ hồ sơ các hợp đồng này. Hợp đồng bằng văn bản cho người lao động được thuê liên tiếp từ 3 tháng trở lên bao gồm: - Nhiệm vụ công việc - Địa điểm làm việc - Giờ làm việc - Mức lương và phương pháp tính lương - Mức lương làm việc ngoài giờ - Thời gian thanh toán lương - Giảm trừ và phúc lợi - Nghỉ có lương - Nghỉ ốm và các quyền lợi bảo vệ trong trường hợp ốm đau, tàn tật, hoặc tai nạn - Thời gian thông báo chấm dứt hợp đồng Hồ sơ hợp đồng bằng miệng bao gồm: - Giờ làm việc - Mức lương - Mức lương làm việc ngoài giờ Tất cả người lao động hiểu về hợp đồng lao động của mình trước khi bắt đầu công việc và có thể yêu cầu một bản sao vào bất cứ thời điểm nào. <i>Đối với các trang trại nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu họ đang tuyển dụng:</i> - 10 lao động tạm thời trở lên, mỗi người làm việc liên tục từ 3 tháng trở lên, và/hoặc - 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch.	✓	✓	✓	✓
5.3.2	Không có chính sách và/hoặc dần xếp nào để giảm lương hoặc phúc lợi của người lao động, như sử dụng lao động tạm thời cho các nhiệm vụ dài hạn.	✓	✓	✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.3.3	Ban quản lý và đơn vị sản xuất tuân thủ các thỏa thuận thương lượng tập thể (CBA) phù hợp với Tiêu chuẩn Rainforest Alliance. Người lao động được trả ít nhất mức lương tối thiểu hiện hành hoặc mức lương quy định trong thỏa thuận thương lượng tập thể, tùy theo mức nào cao hơn. Đối với sản xuất khoán hoặc tính lương theo sản phẩm, khoản thanh toán ít nhất phải bằng mức lương tối thiểu dựa theo tuần làm việc 48 giờ hoặc giới hạn số giờ làm việc hợp pháp của quốc gia, tùy theo số giờ nào thấp hơn.	✓	✓	✓	✓
5.3.4	Chỉ được khấu trừ tiền lương để đóng bảo hiểm xã hội nếu luật hiện hành hoặc thỏa thuận thương lượng tập thể quy định. Các khoản khấu trừ tự nguyện, như khoản tạm ứng lương hoặc khoản vay, cần có sự đồng ý của người lao động. Người sử dụng lao động phải xử lý những khoản chuyển tiền này đầy đủ và đúng thời gian. Cấm kỳ luật bằng việc khấu trừ lương. Không được khấu trừ cho công cụ hoặc thiết bị, trừ khi được pháp luật cho phép. Phúc lợi bằng hiện vật phải tuân thủ pháp luật và không được vượt quá 30% tổng tiền lương. Khuyến Nghị của ILO về Bảo Vệ Tiền Lương, 1949 (Số 85)	✓	✓	✓	✓
5.3.5	Người lao động nhận thanh toán theo các khoảng thời gian đều đặn như trong thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động, với tần suất tối thiểu là mỗi tháng một lần. Các hồ sơ chi tiết được lưu giữ cho từng người lao động, bao gồm số giờ làm việc đã làm (cả giờ làm việc chính thức và giờ làm thêm), sản lượng (nếu áp dụng), tính toán lương, các khoản khấu trừ, và các khoản thanh toán đã thực hiện. Người lao động được cung cấp chứng từ thanh toán (dạng giấy hoặc điện tử) có bao gồm thông tin này. Công Ước ILO về Bảo Vệ Tiền Lương, 1949 (Số 95). <i>Đối với các trang trại nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu họ đang tuyển dụng:</i> - 10 lao động tạm thời trở lên, mỗi người làm việc liên tục từ 3 tháng trở lên, và/hoặc - 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch	✓	✓	✓	✓
5.3.6	Công việc có giá trị tương đương nhận được tiền lương tương đương, không phân biệt đối xử trên các cơ sở như giới tính, loại lao động, dân tộc, tuổi tác, màu da, tôn giáo, quan điểm chính trị, quốc tịch, nguồn gốc xã hội, hoặc các yếu tố khác. Công Ước ILO về Thù Lao Bình Đẳng, 1951 (Số 100)	✓	✓	✓	✓

Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trạng trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.3.7	Nếu sử dụng <u>đơn vị cung ứng lao động</u>, cần lưu hồ sơ có tên, thông tin liên hệ và số đăng ký chính thức (nếu có). Đơn vị cung ứng lao động: • Không tham gia vào các hoạt động tuyển dụng gian lận hoặc ép buộc. • Tuân thủ các yêu cầu có áp dụng liên quan đến người lao động trong mục 5.3 và 5.5 thuộc tiêu chuẩn này Tất cả các <u>khoản phí tuyển dụng</u> được trả bởi người sử dụng lao động, không phải người <u>lao động</u>. Công Ước của ILO về Các Đơn vị Dịch Vụ Việc Làm Tư Nhân, 1997 (Số 181) <i>Vui lòng xem Tài Liệu Hướng Dẫn SA-G-SD-46 U: phạm vi áp dụng đối với Các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ</i>	✓	✓	✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
5.3.8	Ở những quốc gia không có điều chỉnh <u>mức lương tối thiểu</u> hàng năm hoặc quy định về Thỏa thuận Thương lượng Tập thể, <u>mức lương</u> của <u>người lao động</u> được điều chỉnh hàng năm theo tỷ lệ lạm phát dựa trên tỷ lệ quốc gia.	✓	✓	✓	✓

Mức lương đủ sống (LW)					
Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.4.1	Ban quản lý đánh giá hàng năm về tổng thù lao (lương, tiền thưởng, và phúc lợi) của tất cả người lao động so với <u>Mức Lương Đủ Sống</u> được khuyến nghị bởi Rainforest Alliance và theo tiêu chuẩn của Liên Minh Mức Lương Đủ Sống Toàn Cầu (GLWC) hoặc bất kỳ tiêu chuẩn được chấp nhận nào khác. Không áp dụng đối với người lao động ở các trang trại quy mô nhỏ trong nhóm. <i>Xem Phụ lục A-08-SCRL-B-CH - Xã hội</i>				

5.5 Điều Kiện Làm Việc					
Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.5.1	Người lao động không làm quá tám giờ làm việc thông thường mỗi ngày hoặc 48 giờ mỗi tuần. Họ được nghỉ 30 phút sau sáu giờ làm việc liên tiếp và nghỉ một ngày trọn vẹn sau sáu ngày làm việc liên tiếp. Nhân viên bảo vệ không được làm quá 60 giờ mỗi tuần hoặc theo quy định luật pháp hiện hành, tùy theo quy định nào nghiêm ngặt hơn. Công Ước ILO, Công Ước về Giờ Làm Việc (Công Nghiệp), 1919 (Số 1). Công Ước ILO, Công Ước về Giờ Làm Việc (Thương Mại và Văn Phòng), 1930 (Số 30).	✓	✓	✓	✓
5.5.2	Làm việc ngoài giờ là tự nguyện và được phép nếu: a) Được yêu cầu kịp thời. b) Được trả lương theo luật quốc gia hoặc theo Thỏa thuận Thương lượng Tập thể, tùy theo mức nào cao hơn; nếu không có quy định/thỏa thuận nào thì được trả ít nhất 1,5 lần mức lương thông thường. c) Không làm tăng rủi ro về sức khỏe và an toàn; tỷ lệ tai nạn xảy ra trong ca làm thêm được theo dõi và giảm bớt nếu cần thiết. d) Người lao động có phương tiện di chuyển an toàn về nhà.* e) Tổng số giờ làm việc trong tuần không vượt quá 60 giờ, trừ những trường hợp đặc biệt.* f) Người lao động được nghỉ 30 phút sau 6 giờ làm việc và ít nhất 10 giờ nghỉ liên tiếp trong mỗi khoảng thời gian 24 giờ. g) Lưu trữ hồ sơ về giờ làm việc thông thường và giờ làm thêm.* h) Dành cho các hoạt động cụ thể như thu hoạch cần phải hoàn thành trong khoảng thời gian ngắn, tối đa 6 tuần, thời gian làm	✓	✓	✓	✓

	thêm có thể lên tới 24 giờ mỗi tuần cho tối đa 12 tuần mỗi năm, và người lao động có thể làm việc liên tiếp nhiều nhất trong 21 ngày. *Điều kiện chỉ áp dụng cho các trường hợp cụ thể. Công Ước số 1 của ILO về Giờ Làm Việc (Lĩnh Vực Công Nghiệp), 1919 Công Ước số 30 của ILO về Giờ làm Việc (Lĩnh Vực Thương mại và Văn Phòng), 1930 Bộ Quy Tắc Thực Hành của ILO về An Toàn và sức khỏe trong Nông Nghiệp, 2010 Hội Nghị lao Động Quốc Tế, Kỳ Họp lần thứ 107, Nghiên Cứu Chung về các công cụ về thời gian làm việc, 2018 <i>Đối với các trang trại nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu đang thuê:</i> - 10 lao động tạm thời trở lên, mỗi người làm việc liên tục từ 3 tháng trở lên, và/hoặc - 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch				
--	--	--	--	--	--

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.5.3	Người lao động dài hạn được hưởng chế độ nghỉ thai sản có lương, các quyền và lợi ích theo luật hiện hành. Trong trường hợp không có luật này, người lao động được nghỉ thai sản được trả lương ít nhất 12 tuần, trong đó ít nhất là 6 (sáu) tuần được nghỉ sau sinh. Họ có thể trở lại làm việc sau khi nghỉ sinh với các điều khoản và điều kiện tương tự và không phải chịu phân biệt đối xử, giảm thâm niên hoặc trừ lương. Người lao động đang mang thai, cho con bú hoặc mới sinh con được bố trí lịch làm việc và địa điểm làm việc linh hoạt. Phụ nữ cho con bú có thêm hai lần nghỉ giải lao 30 phút mỗi ngày và không gian thích hợp để vắt sữa và/ hoặc cho con bú. Công Ước số 183 của ILO về Bảo Vệ Thai Sản, 1952 <i>Đối với các trang trại nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu họ đang tuyển dụng:</i> - 10 lao động tạm thời trở lên, mỗi người làm việc liên tục từ 3 tháng trở lên, và/hoặc - 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch	✓	✓	✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù				
5.5.4	Con của người lao động dưới độ tuổi lao động tối thiểu áp dụng và đi cùng cha mẹ đến nơi làm việc phải: • Được ở trong một khu vực an toàn phù hợp với độ tuổi. • Được người lớn giám sát liên tục vào mọi thời điểm. Bộ Quy Tắc Thực Hành của ILO về An Toàn và sức khỏe trong Nông Nghiệp, 2010	✓	✓	✓	✓

5.6 Sức Khỏe Và An Toàn

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.6.1	Ban quản lý, với sự hỗ trợ của nhân viên hoặc các chuyên gia bên ngoài có chuyên môn kỹ thuật cần thiết, tiến hành phân tích các rủi ro về sức khỏe và an toàn lao động trong phạm vi chứng nhận. Kế hoạch quản lý quy định về các biện pháp liên quan và đảm bảo việc triển khai thực hiện bằng cách cân nhắc ít nhất đến các yếu tố sau: • Phân tích rủi ro • Tuân thủ các quy định • Đào tạo người lao động • Quy trình và thiết bị đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động • Sử dụng máy móc an toàn Tần suất xảy ra và loại sự cố về sức khỏe và an toàn lao động, bao gồm những sự cố liên quan đến việc sử dụng <u>hóa chất nông nghiệp</u>, được ghi nhận và xác định cho cả nam và nữ. Các biện pháp được thực hiện để ngăn ngừa sự tái diễn của các sự cố cũng được ghi chép lại. Công Ước số 155 của ILO về An Toàn và Sức Khỏe Nghề Nghiệp, 1981 Công Ước số 184 của ILO về An Toàn và Sức Khỏe trong Nông Nghiệp, 2001 <i>Xem Phụ lục A-07-SCRL-B-FA - Canh tác</i>		✓	✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù				
5.6.2	Trang trại sẵn sàng sơ cứu để điều trị chấn thương liên quan đến công việc, kèm theo dịch vụ chăm sóc cấp cứu miễn phí và vận chuyển đến bệnh viện. Các hộp sơ cứu được đặt ở vị trí trung tâm tại các khu vực sản xuất, chế biến và bảo trì. Các khu tắm và rửa mắt khẩn cấp cũng có sẵn ở những nơi cần thiết. Nhân viên sơ cứu đã qua đào tạo luôn trực trong giờ làm việc, và người lao động được thông báo về nơi cần đến để được trợ giúp trong trường hợp khẩn cấp. <i>Đối với các trang trại nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu họ đang tuyển dụng:</i> - 10 lao động tạm thời trở lên, mỗi người làm việc liên tục từ 3 tháng trở lên, và/hoặc - 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch.	✓	✓	✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản				
5.6.3	Thành viên trong nhóm và người lao động biết về các quy trình khẩn cấp. Các biển cảnh báo và hướng dẫn an toàn được trưng bày rõ ràng. Người lao động có thể rời khỏi các tình huống <u>nguy hiểm sắp xảy ra</u> mà không cần sự cho phép hoặc sẽ không bị xử phạt.	✓			

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.6.4	Người lao động có quyền tiếp cận <u>nước uống</u> an toàn và đầy đủ mọi lúc thông qua một trong các phương tiện sau: - Hệ thống nước uống công cộng, hoặc - Nước uống do ban quản lý cung cấp được kiểm tra ít nhất ba năm một lần hoặc thường xuyên hơn, nếu phát hiện rủi ro khi thực hiện phân tích rủi ro theo yêu cầu 5.6.1 Ban quản lý duy trì nguồn nước uống, hệ thống phân phối và thùng chứa để ngăn ngừa ô nhiễm. Bảo vệ nước uống đựng trong bình hoặc thùng chứa tránh khỏi bị ô nhiễm bằng cách sử dụng nắp đậy và thay nước uống mới ít nhất 24 giờ một lần. <i>Đối với các trang trại nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu họ đang tuyển dụng:</i> 10 lao động tạm thời trở lên, mỗi người làm việc liên tục từ 3 tháng trở lên, và/hoặc 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch	✓	✓	✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.6.5	Dành cho các trang trại quy mô nhỏ không có nước uống an toàn, ban quản lý đào tạo và hướng dẫn các thành viên trong nhóm xử lý nước bằng cách đun sôi, lọc hoặc clo hóa, và ngăn ngừa ô nhiễm.			✓	
5.6.6	Người lao động luôn được tiếp cận với nước uống an toàn và đầy đủ.	✓			
5.6.7	Các nhà vệ sinh và trạm rửa tay đầy đủ, sạch sẽ và hoạt động tốt có sẵn tại hoặc gần các cơ sở sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo trì, khu văn phòng và khu nhà ở của người lao động. Các cơ sở được phân chia theo giới tính khi có từ 10 người lao động trở lên, có bồn tiểu được tách riêng khỏi nhà vệ sinh dành cho nữ. Sự an toàn và quyền riêng tư cho các nhóm dễ bị tổn thương được đảm bảo thông qua các tính năng như cơ sở vật chất được chiếu sáng đầy đủ và có thể khóa được. Người lao động có thể tiếp cận các cơ sở vật chất này bất cứ khi nào cần thiết.		✓	✓	✓
5.6.8	Người lao động trong điều kiện nguy hiểm (VD: địa hình khó khăn, làm việc với máy móc hoặc <u>vật liệu độc hại</u>) sử dụng Đồ Bảo hộ Lao động Cá nhân (PPE) được cung cấp miễn phí và được đào tạo về cách sử dụng đồ bảo hộ này.	✓	✓	✓	✓

5.6.9	Cắt giữ an toàn máy móc và thiết bị khác khi không sử dụng. Tất cả các công cụ do người lao động sử dụng đều phải hoạt động tốt. Máy móc có hướng dẫn rõ ràng, dễ hiểu về cách sử dụng an toàn, và các bộ phận nguy hiểm được bảo vệ hoặc che chắn. Người lao động sử dụng những máy móc này được đào tạo đầy đủ và có giấy phép cần thiết theo yêu cầu của pháp luật. Cắt giữ an toàn máy móc và thiết bị khác khi không sử dụng.	✓	✓	✓	✓
5.6.10	Không chỉ định lao động nữ đang mang thai, đang cho con bú hoặc mới sinh con tham gia các hoạt động gây rủi ro cho sức khỏe của phụ nữ, thai nhi hoặc trẻ sơ sinh. Trong trường hợp phân công lại công việc thì sẽ không bị giảm thù lao. Không yêu cầu thử thai.	✓	✓	✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.6.11	Các xưởng làm việc, khu vực lưu trữ, và cơ sở chế biến đều an toàn, sạch sẽ, đủ ánh sáng và thông gió. Một quy trình bằng văn bản về tai nạn và khẩn cấp bao gồm các lối thoát hiểm được đánh dấu, bản đồ sơ tán, và ít nhất một cuộc diễn tập khẩn cấp hàng năm. Ban quản lý thông báo cho người lao động về quy trình này. Thiết bị chữa cháy và xử lý tràn có sẵn, và người lao động được đào tạo để sử dụng các thiết bị này. Chỉ những người được ủy quyền mới được phép đi vào xưởng, kho chứa hoặc cơ sở chế biến.		✓	✓	✓
5.6.12	Người lao động trong các xưởng làm việc, khu vực lưu trữ, và cơ sở chế biến có không gian ăn uống sạch sẽ, an toàn, được bảo vệ khỏi nắng mưa. Người lao động ngoài đồng cũng được ăn uống trong các khu vực được che chắn khỏi nắng mưa.		✓	✓	✓
5.6.13	Người lao động làm việc với các hóa chất nông nghiệp nguy hiểm phải được khám sức khỏe hàng năm. Nếu họ thường xuyên tiếp xúc với thuốc bảo vệ thực vật organophosphate hoặc carbamate, việc khám sức khỏe phải bao gồm kiểm tra cholinesterase. Người lao động có quyền biết kết quả khám sức khỏe. <i>Xem Phụ lục A-07-SCRL-B-FA - Canh tác</i>		✓	✓	✓

5.7 Nhà Ở Và Điều Kiện Sống

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.7.1	Người lao động và gia đình của họ được bố trí chỗ ở hoặc lưu trú tại cơ sở ở khu vực sinh sống an toàn, sạch sẽ và đầy đủ, phù hợp với điều kiện địa phương. Điều này bao gồm: Vị trí và công trình: - Công trình an toàn tại một vị trí không nguy hiểm, bảo vệ khỏi điều kiện thời tiết cực đoan, có sàn khô ráo, tường kiên cố và trong tình trạng sửa chữa tốt. Sàn khô ráo nên được nâng cao hơn mặt đất và làm bằng xi măng, đá, gạch, gỗ hoặc đất sét được bịt kín và làm phẳng. - Bảo vệ chống ô nhiễm không khí và dòng chảy bề mặt của <u>nước thải</u>. - Thông báo cho người lao động/gia đình họ về kế hoạch sơ tán khẩn cấp. - Nhà ở chung (nhóm) có các đường sơ tán/thoát được đánh dấu, lắp đặt và bảo trì thiết bị chữa cháy và hướng dẫn sử dụng Sức khỏe và vệ sinh: - Có sẵn và đủ nước uống an toàn, tối thiểu 20 lít cho mỗi người lớn mỗi ngày và trong phạm vi 1km/30 phút cả đi cả về. - Đảm bảo sự an toàn và quyền riêng tư của các <u>nhóm dễ bị tổn thương</u> bằng cơ sở vật chất có đủ ánh sáng và có khóa. Bố trí cơ sở vệ sinh trong cùng các tòa nhà hoặc cách các tòa nhà một khoảng cách an toàn (cách phòng ở/ký túc xá không quá 60 mét) và phân chia riêng cho nam và nữ. - Trang bị đầy đủ hệ thống thoát <u>nước thải</u> khép kín hoặc hố xí, cơ sở vệ sinh và thải bỏ <u>chất thải</u>. - Khu vực nấu ăn có hệ thống thông gió. - Các biện pháp kiểm soát dịch hại để ngăn ngừa chuột, chuột nhắt, côn trùng và động vật gây hại có thể gây bệnh hoặc mang ký sinh trùng. Thoải mái và tiện nghi: - Gia đình của người lao động dài hạn có trẻ em sẽ có phòng riêng biệt so với những người không có gia đình. - Con cái của những người lao động đang sống tại cơ sở được ở một nơi an toàn và dưới sự giám sát của người lớn trong giờ làm việc. - Có điện trong nhà hoặc gần nhà, nếu có trong khu vực. Đối với nhà ở tập thể: - Các phòng riêng biệt, có khóa, có thiết bị tắm rửa, và nhà vệ sinh riêng cho nam và nữ. Mỗi người lao động được cung cấp một giường riêng, và có khoảng cách tối thiểu 1 mét giữa các giường. Nếu sử dụng giường tầng, phải có ít nhất 0,7 mét không gian trống giữa các giường. - Cung cấp tiện ích để lưu trữ đồ dùng cá nhân, bằng tủ cá nhân hoặc kệ cao ít nhất 1 mét cho mỗi người lao động. Khuyến Nghị của ILO về Nhà Ở cho Người Lao Động, 1961 (số 115) Bộ Quy Tắc Thực Hành của ILO về An Toàn và Sức khỏe trong Nông Nghiệp, 2010 <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-13 Hướng Dẫn K: Nhà Ở và Điều Kiện Sống</i>				
STT	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ

		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.7.2	Trẻ em sống tại cơ sở và trong độ tuổi đi học được đến trường. Các em được (một trong các trường hợp): • Học tại một trường trong khoảng cách đi bộ an toàn • Học tại một trường trong phạm vi di chuyển hợp lý bằng phương tiện an toàn có sẵn • Được tham gia học tập tại chỗ ở trình độ được công nhận và tương đương.		✓		✓
5.7.3	Người lao động và gia đình của họ sống tại cơ sở làm việc có điều kiện sống an toàn, sạch sẽ và đàng hoàng, phù hợp với tiêu chuẩn địa phương. Những điều kiện này bao gồm: • Chỗ ở an toàn tại các khu vực không nguy hiểm, được bảo vệ khỏi thời tiết khắc nghiệt, có sàn khô ráo, tường kiên cố và cấu trúc nhà được bảo trì tốt. • Đánh dấu các tuyến đường sơ tán cho chỗ ở theo nhóm • Được bảo vệ khỏi ô nhiễm không khí và dòng chảy bề mặt, có đầy đủ cơ sở vật chất xử lý nước thải, vệ sinh và xử lý rác thải. • Tiếp cận nguồn nước uống an toàn • Đầy đủ cơ sở vật chất cho việc vệ sinh và tắm rửa, đảm bảo an toàn và quyền riêng tư cho các nhóm dễ bị tổn thương với các cơ sở được chiếu sáng tốt và có thể khóa được. Khuyến Nghị của ILO, khuyến Nghị về Nhà ở của Người lao Động, 1961 (số 115)	✓		✓	

Số thứ tự	Các yêu cầu cải tiến liên tục				
5.7.4	Điều kiện sống tại cơ sở được cải thiện thông qua: Vị Trí và Công Trình: • Các biện pháp được thực hiện để giảm thiểu tác động cục đoạn của khí hậu như lũ lụt. • Thông gió tự nhiên đảm bảo lưu thông không khí trong mọi thời tiết. Sức Khỏe và Vệ Sinh: Cơ sở vệ sinh đầy đủ: • Hồ Xi Cải Tiến Thông Gió (VIP) hoặc nhà vệ sinh được kết nối với hệ thống nước thải hoặc hệ thống cống rãnh. • Cơ sở vật chất: 1 nhà vệ sinh, bồn tiểu, nơi rửa tay, và nơi tắm rửa cho 15 người. Thiết bị rửa tay bao gồm một vòi nước và một bồn rửa. • Các phòng ngủ không bị ám khói từ khu vực nấu ăn. • Đủ ánh sáng ban ngày và ánh sáng nhân tạo. Thoải Mái và Tiện Nghi: • Khu vực có mái che hoặc khu vực thoải mái để sử dụng cho việc ăn uống, nghỉ ngơi, thực hiện tập quán. Nơi ở nhóm: • Giường tầng chỉ được có 2 tầng. • Thêm không gian sống cho chỗ ở nhóm.		✓		✓

5.8 Cộng Đồng

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.8.1	Ban quản lý tôn trọng các quyền hợp pháp và tập quán của <u>người bản địa và cộng đồng địa phương</u>. Bất kỳ hoạt động nào ảnh hưởng đến đất đai, tài nguyên hoặc lợi ích của họ, bao gồm các <u>Giá trị Bảo tồn Cao (HCV)</u> 5 hoặc 6, phải có <u>sự đồng thuận tự nguyện</u>, có thông báo trước và được cung cấp đầy đủ thông tin (FPIC) theo phụ lục FPIC của Rainforest Alliance. Công Ước ILO về Người Bản Địa và Người Thuộc Bộ Lạc, 1989 (Số 169) <i>Xem Phụ lục A-08-SCRL-B-CH - Xã hội</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu Hướng Dẫn SA-G-SD-45 T: Quy Trình Đồng Thuận Tự Nguyện, Có Thông Báo Trước và Được Cung Cấp Thông Tin (FPIC - Trung Cầu Ý Kiến)</i>		✓		✓
5.8.2	Nhà sản xuất có quyền lợi hợp pháp để sử dụng đất, được chứng minh bằng quyền sở hữu, quyền thuê hoặc các tài liệu/giấy tờ pháp lý khác hoặc bằng tài liệu/giấy tờ về quyền sử dụng truyền thống hoặc theo thông lệ. Quyền sử dụng thông thường hoặc theo phong tục có thể xác minh được cũng có thể được sử dụng. Nếu <u>người dân bản địa và/hoặc cộng đồng địa phương</u>, cư dân địa phương hiện tại hoặc trước đây, hoặc các bên liên quan khác tranh chấp hợp lệ quyền sử dụng đất (ví dụ: trong các trường hợp bị tước đoạt trong quá khứ, buộc phải từ bỏ hoặc hành động bất hợp pháp), <u>Đơn vị sở hữu chứng nhận</u> có thể chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp nếu: a. Một quy trình giải quyết và khắc phục xung đột đã được lưu lại bằng văn bản, được thực hiện và chấp nhận bởi các bên bị ảnh hưởng. b. Trong trường hợp hành động bất hợp pháp trong quá khứ, các bên bị ảnh hưởng bao gồm các cơ quan có liên quan. c. Nếu tranh chấp liên quan đến <u>cộng đồng địa phương và người bản địa</u>, các <u>trang trại</u> quy mô lớn và các trang trại được chứng nhận riêng lẻ phải tuân theo quy trình FPIC theo như Phụ lục chương 5: <i>Xem Phụ lục A-08-SCRL-B-CH - Xã hội</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu Hướng Dẫn SA-G-SD-45 T: Quy Trình Đồng Thuận Tự Nguyện, Có Thông Báo Trước và Được Cung Cấp Thông Tin (FPIC - Trung Cầu Ý Kiến)</i>	✓	✓		✓
Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
5.8.3	Ban quản lý tích cực kết nối với các cộng đồng nằm trong hoặc gần trang trại có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của trang trại. Ban quản lý xác định mối quan tâm và lợi ích của họ liên quan đến các hoạt động này và thông báo cho họ về quy trình nộp khiếu nại theo mục 1.5.1.		✓		✓



CHƯƠNG 6:

Môi Trường

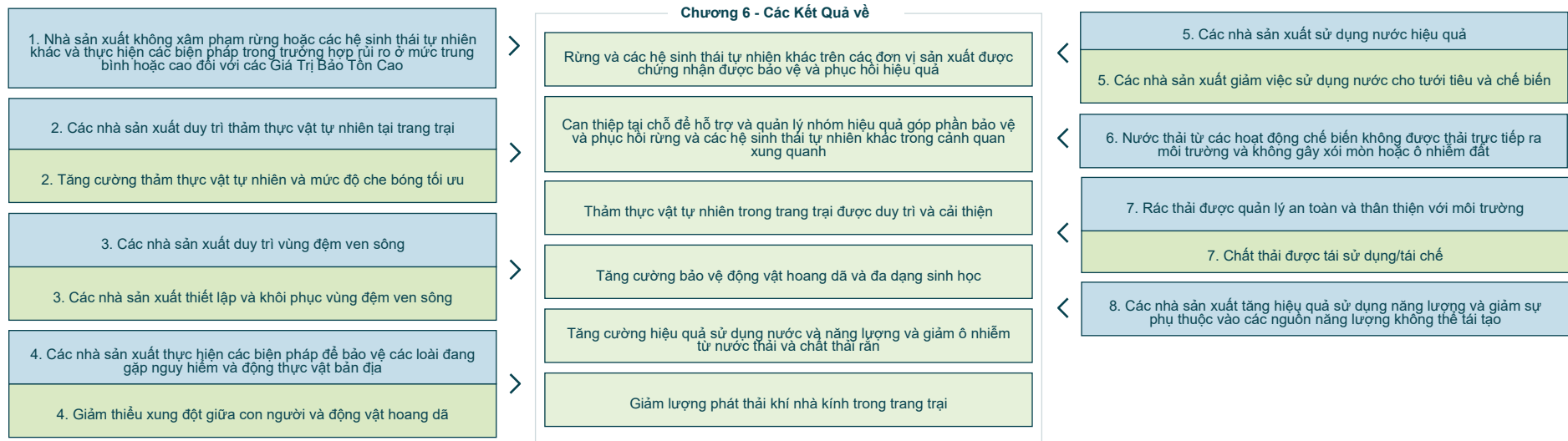
Nông nghiệp có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực lên môi trường tự nhiên, tùy thuộc vào cách quản lý. Chương này nêu ra các lộ trình để các trang trại được chứng nhận mang đến tác động tích cực cho hành tinh, rừng, đa dạng sinh học, nguồn nước, và khí hậu. Bằng việc tuân thủ các yêu cầu cơ bản của Tiêu Chuẩn Trang Trại, các trang trại cũng tuân theo cách tiếp cận Giá Trị Bảo Tồn Cao (HCV) do Mạng Lưới HCV đề ra.

Chủ đề đầu tiên trong chương này hỗ trợ cho kết quả về việc các trang trại và nhóm không góp phần vào nạn phá rừng, suy thoái rừng, hoặc tàn phá các hệ sinh thái tự nhiên khác. Nó đảm bảo rằng các trang trại và nhóm bảo tồn, duy trì và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên và các dịch vụ của chúng. Chủ đề về động vật hoang dã và đa dạng sinh học hỗ trợ cho kết quả là các trang trại và nhóm tránh làm suy thoái môi trường sống tự nhiên, góp phần cải thiện đa dạng sinh học và giúp ngăn chặn sự tuyệt chủng của các loài bị đe dọa. Đối với vấn đề về nước, chất thải và năng lượng, các trang trại và các nhóm giảm thiểu ô nhiễm, xử lý nước thải và giảm thiểu tối đa các

chất ô nhiễm có hại, đồng thời giảm thiểu chất thải và năng lượng thông qua phòng ngừa, giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng.

Cuối cùng, xuyên suốt chương này và chương về thực hành canh tác, Tiêu chuẩn hướng đến việc các trang trại và nhóm áp dụng các kỹ thuật thích ứng và chống chịu với biến đổi khí hậu, đồng thời hỗ trợ giảm thiểu biến đổi khí hậu.

Một lần nữa, Rainforest Alliance công nhận rằng chứng nhận trang trại là một phần trong bức tranh bảo tồn cảnh quan lớn hơn, đòi hỏi có nhiều chiến lược để tạo ra tác động lâu dài cho đa dạng sinh học và cho hành tinh. Chương này đánh dấu sự khởi đầu của các trang trại và nhóm được chứng nhận trong việc hỗ trợ mục tiêu này.



6.1 Rừng, các hệ sinh thái tự nhiên khác và các khu bảo tồn

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trạng thái đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
6.1.1	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 trở đi, <u>rừng tự nhiên</u> và các <u>hệ sinh thái tự nhiên</u> không được chuyển đổi thành đất sản xuất nông nghiệp hoặc các mục đích sử dụng đất khác. <i>Xem Phụ lục A-09-SCRL-B-FA - Môi trường</i>	✓	✓		✓
6.1.2	Sản xuất hoặc chế biến không diễn ra trong các <u>khu bảo tồn</u> hoặc vùng đệm được xác định chính thức, trừ trường hợp cho phép của luật hiện hành. <i>Xem Phụ lục A-09-SCRL-B-FA - Môi trường</i>	✓	✓		✓
Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù				
6.1.3	Kế hoạch quản lý bao gồm các biện pháp giảm thiểu từ Công cụ Đánh giá rủi ro (1.3.1) cho các Giá trị Bảo tồn Cao (1.3.2). Ban quản lý thực hiện các biện pháp này. <i>Vui lòng xem A-11-SCRL-B-FA Công cụ Đánh giá rủi ro</i>		✓	✓	✓

6.2 Bảo Tồn Và Nâng Cao Hệ Sinh Thái Tự Nhiên Và Thảm Thực Vật

Số thứ tự	Các yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
6.2.1	Ban quản lý xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên. Kế hoạch dựa trên bản đồ được yêu cầu trong mục 1.2.9 và mục hệ sinh thái tự nhiên trong Công Cụ Đánh giá rủi ro trong mục 1.3.1 và được cập nhật hàng năm. <i>Vui lòng xem A-11-SCRL-B-FA Công cụ Đánh giá rủi ro</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-14 Hướng Dẫn M: Hệ sinh thái tự nhiên và thảm thực vật</i>		✓	✓	✓
6.2.2	Các trang trại bảo tồn tất cả <u>các cây rừng còn lại</u> trừ khi chúng gây <u>nguy hại</u> cho con người hoặc cơ sở hạ tầng. Các cây bản địa khác trên trang trại được quản lý một cách bền vững để đảm bảo duy trì số lượng và chất lượng cây tương tự.	✓	✓		✓
Số thứ tự	Các yêu cầu cải tiến liên tục				
6.2.3	Nhà sản xuất duy trì và ban quản lý giám sát lớp che phủ bằng thảm thực vật tự nhiên và báo cáo hàng năm. Nếu lớp che phủ bằng thảm thực vật tự nhiên chiếm ít hơn 10% tổng diện tích hoặc ít hơn 15% đối với các <u>trang trại</u> trồng cây ưa bóng, ban quản lý sẽ đặt ra mục tiêu và thực hiện biện pháp để trang trại đạt được các ngưỡng này theo yêu cầu trong mục 6.2.4. Thảm thực vật tự nhiên có thể bao gồm một hoặc nhiều loại sau (không loại trừ): - Vùng Đệm Ven Sông - Khu vực <u>bảo tồn</u> trong trang trại - Thảm thực vật tự nhiên trong hệ thống <u>nông lâm kết hợp</u> - Cây trồng quanh ranh giới, hàng rào và hàng rào xanh ở xung quanh <u>nhà ở</u> và cơ sở hạ tầng, hoặc theo những cách khác - Các khu vực bảo tồn và phục hồi bên ngoài trang trại <u>được chứng nhận</u> góp phần hiệu quả để bảo vệ lâu dài các khu vực mục tiêu (ít nhất 25 năm) và mang lại thêm giá trị bảo tồn và tình trạng bảo vệ so với hiện trạng <i>Xem Phụ lục A-09-SCRL-B-FA - Môi trường</i>	✓	✓	✓	✓
6.2.4	Có thảm thực vật tự nhiên che phủ - trên ít nhất 10% tổng diện tích <u>trang trại</u> trồng cây không <u>không ưa bóng</u> - trên ít nhất 15% tổng diện tích trang trại trồng cây ưa bóng <i>Xem Phụ lục A-09-SCRL-B-FA - Môi trường</i>	✓	✓		✓

6.3 Vùng Đệm Ven Sông/suối

Số thứ tự	Các yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
6.3.1	Trang trại duy trì <u>các vùng đệm ven sông</u> hiện có ở liền kề hệ sinh thái thủy sinh.	✓	✓		✓
6.3.2	Các nhà sản xuất duy trì các biện pháp bảo vệ nước uống bổ sung sau đây trong trường hợp trang trại cách xa sông, hồ hoặc vùng nước khác thường được sử dụng làm nguồn nước uống chính hơn 50 m. - Duy trì hoặc thiết lập vùng đệm ven sông có độ rộng tối thiểu 10 m - Bổ sung thêm một khu vực cấm sử dụng hóa chất nông nghiệp 20m bên ngoài (tổng độ rộng 30m), nơi không được sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón - Bổ sung thêm vùng 20m (nằm trong phạm vi 30m đến 50m) chỉ phun thuốc bảo vệ thực vật bằng các dụng cụ cơ khí nhỏ, bằng tay hoặc phun thẳng vào mục tiêu cần xử lý.	✓	✓		✓
Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
6.3.3	Hệ sinh thái thủy sinh bao quanh bởi vùng đệm ven sông với các tham số chiều rộng vùng đệm ven sông như sau: - Chiều ngang 5 m dọc hai bên đường nước rộng từ 1 - 5 m. - Đối với trang trại < 2 ha, chiều rộng của vùng đệm có thể giảm xuống 2 m ở cả hai bên - Chiều ngang 8 m dọc theo hai bên của đường nước rộng từ 5-10 m và xung quanh các suối, vùng đất ngập nước và các vùng nước khác - Chiều ngang 15 m dọc hai bên bờ sông rộng hơn 10 m Không bắt buộc phải có các vùng cấm không được sử dụng thuốc bảo vệ thực vật khác dọc theo vùng đệm ven sông được thiết lập đầy đủ.	✓	✓		✓

6.4 Bảo Vệ Động Vật Hoang Dã Và Đa Dạng Sinh Học

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trạng trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
6.4.1	Không săn bắn, giết hại, đánh bắt, thu gom hoặc buôn bán phi pháp các loài <u>động vật và thực vật đang bị đe dọa</u>. Nhà sản xuất và người lao động không săn bắt các loài động vật khác, trừ khi có những điều kiện sau: - Nhà sản xuất của trang trại quy mô nhỏ chỉ được săn bắt các loài động vật không bị đe dọa cho mục đích sử dụng cá nhân. - Các loài gây hại là <u>động vật hoang dã có xương sống</u> có thể bị săn bắt trên trang trại theo kế hoạch <u>Quản lý Dịch hại Tổng hợp</u> như một biện pháp cuối cùng. Không bao giờ được sử dụng chất nổ hoặc các chất độc hại để săn bắn, đánh bắt cá hoặc kiểm soát động vật gây hại.	✓	✓	✓	✓
6.4.2	Nhà sản xuất không được nhốt giữ <u>động vật hoang dã</u>. Động vật hoang dã bị nhốt trước đây trên trang trại trước ngày cấp chứng nhận ban đầu sẽ được chuyển đến các trại nuôi chuyên nghiệp hoặc chỉ có thể được nhốt giữ nhằm mục đích phi thương mại trong suốt phần đời còn lại của chúng. Động vật hoang dã bị nhốt giữ và động vật nuôi trong trang trại được đối xử theo Nguyên tắc 5 “không” về phúc lợi động vật.	✓	✓		✓
Số thứ tự	Các yêu cầu đặc thù				
6.4.3	Nhà sản xuất tránh việc cố ý mang đến hoặc thả các <u>loài xâm hại</u>. Các nhà sản xuất không vứt bỏ loài ngoại lai hoặc bộ phận của chúng vào hệ sinh thái thủy sinh.	✓	✓		✓
6.4.4	Nhà sản xuất không sử dụng động vật hoang dã để chế biến hoặc thu hoạch bất kỳ loại cây trồng nào (ví dụ như chồn để tạo cà phê chồn, khỉ để hái dứa, v.v.).	✓	✓		✓
6.4.5	Giảm thiểu xói mòn do nước và gió thông qua các hoạt động như tái tạo thảm thực vật ở các khu vực dốc và bậc thang. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-12 Hướng Dẫn J: Độ Phi và Bảo Tồn Đất</i>	✓	✓		✓
Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản				
6.4.6	Không sử dụng lửa để làm đất hoặc làm sạch cánh đồng, trừ khi được nó chứng minh cụ thể trong kế hoạch IPM. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-12 Hướng Dẫn J: Độ Phi và Bảo Tồn Đất</i>	✓	✓		✓

6.5 Quản Lý Và Bảo Tồn Nước

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
6.5.1	Ban quản lý tuân thủ luật hiện hành về khai thác nước mặt hoặc nước ngầm phục vụ các mục đích nông nghiệp, sinh hoạt hoặc chế biến. Nếu được yêu cầu, việc tuân thủ được thể hiện thông qua giấy phép hoặc cấp phép (hoặc yêu cầu đang chờ xử lý).		✓	✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù				
6.5.2	Hệ thống tưới tiêu và phân phối nước được duy trì để tối đa hóa sản lượng cây trồng, đồng thời giảm thiểu lãng phí nước, xói mòn đất và nhiễm mặn.		✓	✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
6.5.3	Hệ thống tưới tiêu và phân phối nước được quản lý để tối ưu hóa năng suất cây trồng, tính đến các yếu tố sau: • Sự bốc thoát hơi nước của cây trồng ở các giai đoạn sinh trưởng khác nhau • Điều kiện đất • Hình thái mưa Không áp dụng đối với các trang trại quy mô nhỏ trong nhóm Nhà sản xuất ghi lại lượng nước dùng để tưới tiêu từ năm thứ nhất trở đi.		✓	✓	✓
6.5.4	Ban quản lý thực hiện các biện pháp để giảm lượng nước sử dụng cho việc chế biến trên một đơn vị sản phẩm. Việc sử dụng và giảm thiểu nước được theo dõi và ghi chép lại từ năm thứ nhất trở đi. Đối với Ban Quản Lý Nhóm, điều này áp dụng nếu các nhóm có các cơ sở chế biến tập trung.		✓	✓	✓
6.5.5	Các nhà sản xuất sử dụng nước mưa tích trữ cho mục đích tưới tiêu và/hoặc mục đích nông nghiệp khác.	✓	✓		✓
6.5.6	Nhà sản xuất tham gia xây dựng sáng kiến hoặc sáng lập ủy ban lưu vực địa phương và thực hiện hành động để giúp duy trì hoặc phục hồi chất lượng của lưu vực đầu nguồn thuộc một phần của quá trình này. Ghi chép lại tính chất tham gia và các hành động đã thực hiện.	✓	✓		✓

6.6 Quản Lý Nước Thải

Số thứ tự	Các yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
6.6.1	Tiến hành kiểm tra xử lý nước thải tại tất cả các điểm xả trong (các) công đoạn vận hành đại diện và ghi chép lại kết quả. Đối với các nhóm trang trại, điều này được thực hiện tại tất cả các cơ sở chế biến do nhóm (tập thể) quản lý và tại một mẫu đại diện của các hoạt động thành viên xử lý bao gồm các loại hệ thống xử lý khác nhau. Nước thải từ các hoạt động chế biến thải vào hệ sinh thái ngập nước đáp ứng các thông số chất lượng nước thải phù hợp. Trong trường hợp không có những yếu tố này, nó đáp ứng các thông số về nước thải. Không được pha trộn nước thải từ các hoạt động chế biến với nước sạch để đáp ứng các thông số khi kiểm tra mẫu nước thải.		✓	✓	✓
6.6.2	Không sử dụng chất thải của người, bùn và nước thải trong sản xuất hoặc chế biến. Nước thải đã xử lý chỉ được xả vào các hệ sinh thái thủy sinh. Không áp dụng cho các trang trại quy mô nhỏ: Nước thải đã qua xử lý phải đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng nước thải theo quy định của pháp luật hoặc các thông số tương đương nếu không có tiêu chuẩn pháp luật cụ thể.	✓	✓	✓	✓
6.6.3	Nước thải từ các hoạt động chế biến chỉ được sử dụng trên đất sau khi đã qua xử lý để loại bỏ các hạt lắng và độc tố. Nước thải đã xử lý dùng để tưới tiêu phải đáp ứng các thông số cụ thể đối với cả nước thải và tưới tiêu.	✓	✓	✓	✓

6.7 Quản Lý Chất Thải

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
6.7.1	Chất thải được quản lý để phòng tránh <u>rủi ro</u> sức khỏe và an toàn. Chất thải chỉ được lưu trữ và bỏ ở các khu vực được chỉ định, không phải ở trong <u>các hệ sinh thái tự nhiên</u> . Không để lại rác thải vô cơ trên đất.	✓	✓	✓	✓
6.7.2	Nhà sản xuất không được đốt <u>rác thải</u> , ngoại trừ được đốt trong các lò đốt được thiết kế kỹ thuật dành cho loại rác thải cụ thể.	✓	✓		✓
Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
6.7.3	Các nhà sản xuất phân tách và tái chế rác thải dựa trên các phương án quản lý, tái chế và xử lý rác thải có sẵn. Rác thải hữu cơ được ủ, xử lý để sử dụng dưới dạng nguồn cung cấp hữu cơ hoặc được sử dụng làm vật liệu đầu vào cho quá trình khác. Không áp dụng đối với các trang trại quy mô nhỏ trong nhóm		✓	✓	✓

6.8 Hiệu Suất Sử Dụng Năng Lượng

Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
6.8.1	Ban quản lý lập hồ sơ về các loại nguồn năng lượng và năng lượng được sử dụng để sản xuất và chế biến sản phẩm được chứng nhận. Điều này chỉ áp dụng cho Quản lý Nhóm nếu các nhóm sử dụng năng lượng để xử lý. <i>Vui lòng xem Tài Liệu Hướng Dẫn SA-G-SD-15 Hướng Dẫn N: Hiệu suất sử dụng năng lượng</i>		✓	✓	✓